Tam Quy, Ngũ Giới (Phạm Kim Khánh)

Nghi Thức (Nam truyền)

BuddhaSasana budsas.net Chuyển sang dạng PDF bởi Thế Giới Phật Giáo .org (quốc tế)

Tam Quy, Ngũ Giới Phạm Kim Khánh PL. 2536 - TL. 1992

Mục lục

• I. Tam Quy • II. Ngũ Giới • III. Nghi Thức Thọ Trì Tam Quy Ngũ Giới

I. Tam Quy

Người mới bắt đầu nghe một vài lời, hay đọc một vài đoạn kinh sách đề cập đến giáo lý nhà Phật đôi khi cảm nghe thích thú và phát tâm muốn được Giáo Pháp dẫn dắt đi xuyên qua kiếp sống. Người ấy tự nghĩ rằng muốn thực sự thực hành thì phải bước vào trong cuộc, không thể đứng "ngoài hàng rào". Từ ngàn xưa, trong các quốc gia Phật giáo trên thế giới, người Phật tử bước chân vào tôn giáo mình chọn bằng một lễ gọi là Quy Y Tam Bảo. Quy Y Tam Bảo là bước tiến đầu tiên vào bên trong cổng chùa. Nơi đây người thọ lễ Tam Quy thành tâm phát nguyện nhận ba ngôi báu: Phật Bảo, Pháp Bảo, và Tăng Bảo, là hướng dẫn tinh thần toàn hảo, là lý tưởng cao cả nhất, là nương tựa châu toàn nhất, là biểu tượng quý báu xứng đáng nhất để cho mình tôn kính, và tự nguyện cung hiến trọn cuộc sống của mình đến Tam Bảo, trong ý nghĩa là trọn đời luôn luôn tuân hành lời dạy vàng ngọc của Phật, Pháp, Tăng.

Tại Sao Quy Y?

Tại sao cần phải trở về nương tựa nơi Tam Bảo? Thế gian mà ta đang sống trong đó có thực sự đầy hiểm họa không? Đó là những câu hỏi đầu tiên mà người muốn thọ Tam Quy phải được giải đáp thỏa đáng.

Thế Gian Có Thực Sự Đầy Hiểm Họa Không?

Hãy lắng nghe câu chuyện sau đây của anh chàng lạc lối giữa rừng, một phát họa những nét đại cương hình ảnh cuộc sống mà ta đang trải qua:

Người kia lạc lối, quanh quẩn tới lui giữa một khu rừng mênh mông, đầy chông gai và đá nhọn. Trong khi lang thang bất định anh sực nhìn lại phía sau và thấy một thớt voi đang rượt theo. Giựt mình, anh vụt chạy. Voi đuổi theo. Chạy đến một giếng cạn anh định nhảy xuống để tránh voi. Nhưng, nhìn kỹ anh thấy dưới đáy giếng có một con rắn độc. Thớt voi lù lù trờ tới. Hoảng hốt, anh chụp lấy một dây rừng từ cây cao lòng thòng trên miệng giếng và vội vã leo phăng lên, bất chấp gai nhọn đầy trên sợi dây quàu trầy cả mình mẩy và tay chân. Lúc ấy anh chàng ngước mặt nhìn lên thấy một ổ ong. Bầy ong bay tủa ra vù vù vây đánh anh. Phía trên nữa có hai con chuột, một trắng một đen, đang cặm cụi gặm nhấm sợi dây mà anh đang đeo trên đó.

Vừa lúc ấy một giọt mật từ ổ ong rơi xuống ngay vào miệng anh. Bấy giờ, quên cả thớt voi đang rượt, con rắn độc nằm dưới đáy giếng, sợi dây đầy gai nhọn quàu trầy cả mình mẩy, bầy ong đang vây đánh

và hai con chuột gặm nhắm sợi dây mình đang đeo, anh mê mệt thọ hưởng giọt mật một cách thỏa thích.

Lúc bấy giờ có một vị hiền nhân từ bi và trí tuệ xuất hiện trước mặt anh, cho anh biết rằng Ngài rõ thông lối thoát ra khỏi khu rừng nguy hiểm này và sẵn lòng chỉ đường cho anh nếu anh muốn. Anh chàng lễ độ khước từ, "Thưa Ngài, tôi xin chân thành cảm tạ Ngài có lòng từ bi muốn cứu độ tôi ra khỏi khu rừng, nhưng xin Ngài để cho tôi trọn hưởng hương vị của giọt mật ngọt ngào nầy."

Đó là hình ảnh của cuộc sống mà chúng ta đang sống và thái độ của phần lớn chúng ta. Người lang thang lạc bước giữa rừng là chúng ta. Khu rừng mênh mông đầy chông gai và đá nhọn là "samsara" (ta-bà), vòng quanh những kiếp sống sinh tồn triền miên tiếp diễn. Thớt voi tượng trưng cho Thần Chết. Con rắn độc nằm dưới đáy giếng là tuổi già. Sợi dây đầy gai nhọn là sự sanh. Bầy ong là những khổ đau luôn luôn đe dọa tình trạng an lành của chúng ta. Hai con chuột, một trắng là ngày và một đen là đêm. Giọt mật hình dung những thú vui hiếm hoi trong đời.

Đúng thật vậy! Cuộc sống của chúng ta trong vòng luân hồi quả thật không giống như một vườn hoa hồng tươi đẹp, lộng lẫy màu sắc và bát ngát hương thơm, mà tựa hồ như một khu rừng mênh mông đầy chông gai và đá nhọn. Trên bước viễn du từ vô lượng kiếp chúng ta vẫn còn đôn đáo tới lui, lặn hụp trong những kiếp sống triền miên tiếp diễn mà không tìm được lối thoát. Hạnh phúc mà phần đông chúng ta mong tìm chỉ là sự thỏa mãn một vài ước vọng. Nhưng vừa khi đạt đến điều mong mỏi ta lại ước mơ điều khác, và cứ thế không ngừng. Chúng ta không bao giờ được thỏa mãn trọn vẹn, vì không bao giờ biết là đủ. Lẽ dĩ nhiên, điều mong ước mà không được thành tựu làm cho ta thất vọng, đau khổ. Nhưng dầu có được toại nguyện đi nữa, ta lại lo âu, bậm tâm suy nghĩ để gìn giữ, sợ nó mất đi. Trong cảnh cơ hàn ta mong được giàu sang, rồi đến khi sang trọng giàu có ta lại lo sợ phải nghèo đói cơ cực. Nhưng trong cuộc sống vô thường tạm bợ này có cái chi tồn tại mãi mãi, có thú vui nào mãi mãi vững bền. Cái mà ta gọi là hạnh phúc thật sự chỉ tồn tại trong giây phút mà ta nắm được nó vì bản chất thiên nhiên của nó là vậy, là luôn luôn phải đổi thay. Mặt trời mọc phương Đông chỉ để lặn ở phương Tây, hoa nở tốt tươi buổi sáng để rồi úa tàn về chiều, mọi cuộc sum họp vui vầy đều phải chấm dứt trong phân tán chia lìa, vừa lúc sự sanh đưa ta vào đời nó đã mang theo mầm mống chết. Trong thế gian huyễn ảo, tạm bợ, vô thường, ngã chấp và đầy tham vọng này chúng ta không thể tìm được hạnh phúc thật sự, trường cửu vững bền.

Trong câu chuyện, sợi dây tượng trưng cho sự sanh, con rắn là tuổi già, gai nhọn trên sợi dây là bệnh hoạn và thớt voi là sự chết.

Sợi dây, tượng trưng cho sự sanh, phải được hiểu ở đây là sự sống, và sự sống trong một kiếp bắt đầu vừa được thọ thai, không phải lúc lọt lòng mẹ. Vài người tưởng tượng thai bào như một nơi chốn ấm cúng đầy đủ tiện nghi, hay như một tịnh thất đượm nhuần tình thương mà con người ẩn rút vào đó một thời gian để tịnh dưỡng tinh thần. Trong thực tế, được thọ thai vào lòng mẹ, không giống như hiện thân vào nằm trong

một đóa hoa sen đẹp đẽ, tinh khiết và có mùi thơm dịu dàng. Trái lại, tứ bề là những gì nhơ nhớp tanh hôi. Không có chi là hấp dẫn, cho cả mẹ lẫn con. Sau chín tháng mười ngày chịu đựng mọi khổ đau, em bé thoát lòng mẹ và được kéo lôi ra, tống vào đời. Một lần nữa, mẹ và con vô cùng đau đớn. Mẹ nhăn nhó siết rên, con cất tiếng chào đời bằng giọng la khóc ... trong khi ấy mọi người khác hân hoan thỏa thích đón mừng.

Sanh là khổ. Nhưng khi nói vậy không phải chúng ta chỉ nghĩ đến hoàn cảnh mang nặng đẻ đau của bà mẹ và cảnh bị nhốt nằm trong cái bọc của đứa bé mà sâu xa hơn, ta nên nhận thức rằng chính cái sanh là đầu dây mối nhợ, là duyên khởi tạo cơ hội cho cái khổ bám vào. Nếu không sanh tức không có sự sống. Không sống tức không có khổ. Vì lẽ ấy mục tiêu cứu cánh của người Phật tử là thoát ra khỏi vòng sanh tử tử sanh triền miên tiếp diễn.

Nhưng bản chất của chúng sanh, mà đã được tạo nên từ vô lượng tiền kiếp, là cố bám vào sự sống, như anh chàng bị gai nhọn quàu trầy cả mình mẩy mà vẫn cố bám chặt vào sợi dây. Ái dục -- ở đây biểu hiện dưới hình thức ham sống -- là một năng lực vô cùng hùng mạnh, luôn luôn tiềm tàng ngủ ngầm bên trong mỗi người. Chính ái dục, thô kệch hay vi tế, thúc đẩy ta đeo níu, cố bám chắc vào sự sống

dưới mọi hình thức và do đó, dẫn dắt ta mãi mãi phiêu bạt trong biển trầm luân. Ái dục đúng thật là nguyên nhân của mọi đau khổ, và sanh là cơ hội tạo duyên cho đau khổ khởi phát.

Đã sanh ra tất có trưởng thành và đi dần đến già nua. Như con rắn độc nằm dưới đáy giếng, tuổi già vẫn nằm đó chờ đợi mọi người ở cuối đoạn đường.

Danh từ "jara" mà Đức Phật dùng ở đây không phải chỉ riêng tuổi già mà hàm súc ý niệm "đi dần đến tuổi già", hoặc nữa, ý niệm "hư hoại". Lẽ dĩ nhiên theo thời gian, thân thể hao mòn tiều tụy, răng long, tóc bạc, má cóp da nhăn, mắt mờ tai điếc, tinh thần suy nhược, trí não lu mờ, quên trước lộn sau v.v... là trạng thái già nua phát lộ ra ngoài và nổi bật một cách hiển nhiên, tất cả mọi người đều thấy. Nhưng trong thực tế, từ lúc được thọ thai chúng ta biến đổi từng phút từng giây, từng khoảnh khắc. Chúng ta liên tục trưởng thành, không ngừng trở nên một cái gì mới, đi dần đến tình trạng già nua, diệt vong và tan rã. Đó là bản chất thiên nhiên của đời sống. Thiên nhiên là vậy. Tất cả mọi sự vật do nhân duyên cấu thành (tất cả các pháp hữu vi) đều phải hư hoại và diệt vong. Nhiều bạn trẻ thường chăm lo săn sóc và rất hãnh diện với thâm hình cường tráng khỏe mạnh của mình, vẫn không thích đề cập đến tuổi già để trọn vẹn thọ hưởng thú vui của thời niên thiếu. Nhưng dầu ta có nghĩ đến nó cùng không, con rắn độc vẫn nằm chực hờ dưới đấy giếng.

Có sanh, có sống tức có bệnh. Gai nhọn trên sợi dây đời sống tượng trưng bệnh hoạn. Dầu già, trẻ, hay bất luận ở lứa tuổi nào ta cũng có thể lâm bệnh. Tấm thân ô trược này chỉ là nơi nương tựa của bao nhiêu bệnh hoạn tật nguyền. Đức Phật dạy: "Hãy nhìn cái thể xác đẹp đẽ này, một khối đau đớn, một ổ bệnh tật, được người ta bận tâm đến nhiều nhưng không chứa đựng gì bền vững, không có gì tồn tại lâu dài." (Kinh Pháp Cú, câu 147).

Có những chứng bệnh của thể xác. Cũng có những bệnh tinh thần như tham ái, sân hận, ganh tỵ, keo kiết bỏn xẻn v.v... Cả hai, bệnh tinh thần hay bệnh của cơ thể, đều là nguyên nhân làm ta đau khổ.

Một nguyên nhân khác đưa đến đau khổ mà không ai có thể tránh là cảnh sanh tử biệt ly, bởi vì chết là nghìn thu vĩnh biệt. Trong câu chuyện, thớt voi tượng trưng sự chết, và sự chết theo ta bén gót từ thuở còn trong lòng mẹ. Sanh, trụ, diệt là định luật chung của muôn loài vạn vật. Trong thế gian hiện tượng này có cái chi mãi mãi vững bền, có cuộc sống nào không đi dần đến cái chết? Cứng rắn như sắt đá, to lớn như hành tinh, hung dữ như ác thú, khôn ngoan như loài người, tất cả đều phải hoại diệt. Già chết, trẻ chết, giàu sang chết, quyền quý chết, bần hàn chết, tối tăm mê muội chết, thông minh sáng suốt chết ... cái chết không dành riêng cho một người, một gia đình, một xóm làng, một quốc gia hay một dân tộc nào mà đó là số phần chung của tất cả mọi chúng sanh trong ba giới bốn loài. Chúng ta bước vào đời và trưởng thành giữa những người thân yêu: nào cha mẹ, ông bà, nào cô bác cậu dì, nào anh chị em, nào thân bằng quyến thuộc, thầy cô, xóm giềng v.v... Chúng ta thương yêu nhau, vui cười với nhau, rồi lần lượt, mỗi người ra đi một ngã, tùy theo cái nghiệp của mình. Đến như thế nào ra đi dường thế ấy. Chúng ta đến một thân một mình, với hai bàn tay trắng. Cũng một thân một mình chúng ta sẽ ra đi với hai bàn tay không. Đó là bản chất của đời sống. Thiên nhiên là vậy.

Còn những đau khổ khác có tánh cách thường xuyên hơn, là bầy ong trong câu chuyện, không ngừng bao quanh anh chàng lạc lối giữa khu rừng đầy chông gai và đá nhọn. Đó là những tình trạng bất hạnh không ngớt phủ vây để phá tan cảnh thanh bình an lạc của khách lữ hành, lang thang trên cõi thế. Những khổ đau ấy được Đức Phật mô tả trong bài kinh Chuyển Pháp Luân như sau: "... sống chung với người mình không ưa thích là khổ, xa lìa người thân yêu là khổ, mong muốn mà không được toại nguyện là khổ. Tóm lại, bám níu vào ngũ uẩn là khổ".

Phải chung sống với người mình không ưa thích là khổ. Chung sống với người điên, với kẻ sát nhân hung bạo, với một tên trộm luôn luôn chực hờ để đánh cắp một vật gì của mình, với người có tánh lăng loàn lang chạ, người gian dối, người thô lỗ cộc cằn, người có tánh đâm thọc, đem chuyện đầu này nói xấu đầu kia, rồi đem chuyện đầu kia về dèm pha ở đầu này, sống với người say sưa, hư hèn mất nết, v.v...đều là khổ. "Người mình không ưa" ở đây có thể là một con thú hay một đồ vật làm cho mình khó chịu, hoặc một hoàn cảnh làm cho mình buồn phiền, cũng có thể là thời tiết quá lạnh hay quá nóng,

hay một công việc làm ăn sinh sống mà mình không ưa thích. Tất cả những trường hợp tương tự đều là nhân sanh khổ mà không mấy ai tránh khỏi.

Cũng thế ấy, phải xa lìa người thân kẻ yêu là nguyên nhân khác sanh đau khổ mà không ai có thể tránh. Con xa cha mẹ, cha mẹ xa con, chồng lìa vợ, vợ lìa chồng, bạn bè xa cách, quyến thuộc chia lìa đều là những hoàn cảnh khổ đau. Tuy nhiên, có hợp là có tan, đó là lẽ tự nhiên. Cảnh sum họp trên thế gian là giả tạm, và đời sống của chúng ta,

gặp gỡ nhau trên thế gian cũng chỉ tạm thời. Những mối liên lạc trong gia đình, trong xã hội như cha mẹ, anh em, chị em, chồng vợ, bạn bè, quyến thuộc, v.v... tất cả đều tạm bợ nhất thời. Chúng ta muốn mãi mãi sống bên cạnh những người, những sinh vật, những vật dụng, những hoàn cảnh mà ta ưa thích mến yêu. Nhưng rồi ước vọng ấy không được thành tựu. Ta bất toại nguyện, sầu muộn, buồn phiền, đau khổ. Trong một thế gian mà tính khát khao ham muốn và gắn bó luyến ái luôn luôn ngự trị và cảnh phân tán chia lìa là điều không thể tránh thì làm thế nào có thể vượt qua khỏi đau khổ. Chúng ta hằng ngày lặn hụp, bơi lội trong biển vô thường và trong lúc ấy, chính ta cũng không ngừng biến đổi thì chắc chắn là phải chịu hai loại đau khổ này -- sống chung với điều không ưa thích và xa lìa những gì mình quý mến thương yêu.

Một loại gai nhọn khác trên sợi dây đời sống mà bất cứ ai đeo bám vào cũng không thể tránh khỏi bị quàu trầy trụa xơ xác cả mình là, "mong muốn mà không được". Điều mong ước mà không thành tựu làm cho ta đau khổ. Trái lại những cảnh nghịch lòng hay những điều mà ta ít mong muốn nhất lắm khi đến với ta một cách đột ngột. Ta muốn không già, không bệnh, không chết, không phiền muộn, không ta thán, không đau đớn, không âu sầu. Phải chi những hoàn cảnh bất hạnh kia đừng đến với ta!

Nhưng không phải chỉ mong muốn suông mà có thể chận đứng, làm cho những hoàn cảnh bất hạnh ấy không đến. Và muốn mà không thành tựu là khổ.

Voi, rắn, sợi dây gai, bầy ong v.v... là phần đen tối của cuộc sống mà ta đang sống. Tuy nhiên, trong khu rừng đầy chông gai và đá nhọn này thỉnh thoảng ta cũng gặp một vài bông hoa tươi đẹp, một vài kỳ hoa dị thảo, hay một vài giọt mật ngọt ngào. Chính những giọt mật hiếm hoi ấy làm cho ta say đắm, quên hẳn mọi sầu khổ và hiểm nguy.

Và trong khi chúng ta mãi mê thọ hưởng giọt mật thì hai con chuột, tượng trưng ngày và đêm, không ngừng gặm nhấm sợi dây. Mỗi ngày qua đưa ta đến gần cái chết hơn một ngày. Mỗi đêm qua đưa ta đến gần cái chết hơn một ngày đêm.

Đó là bối cảnh của cuộc sống mà ta đang sống.

Nhiều người không thấy có sự hiểm nguy và không thấy cần phải có một nương tựa. Họ vui vẻ mãn nguyện với những hạnh phúc ảo huyền và tạm bợ của đời sống và tự nghĩ rằng thế gian này quả thật tốt đẹp. Họ không thể nhìn xa hơn, không thể nhìn vượt khỏi chân trời hạn hẹp của mình. Đối với hạn người này, không có ai là Phật, không có vị giáo chủ hay vị lãnh đạo tinh thần nào trên thế gian.

Nhưng đa số nhân loại thì hiểu biết rõ ràng phần đen tối phủ phàng ẩn nấp dưới lớp mặt nạ thân thiện của kiếp nhân sinh, xuyên qua kinh nghiệm của chính bản thân họ và của những người sống quanh họ. Trước mắt họ đời sống xem hình như một đại dương mênh mông sâu thẳm đầy hiểm họa và đau khổ. Trên mặt nước chúng sanh bơi lội, lặn hụp, hay cởi thuyền lướt sóng đi quanh quẩn, vài người hãnh diện với số phận mình. Đúng rằng có những lúc trời êm gió tạnh, thả trôi trên mặt nước phẳng lặng thật là thích thú. Nhưng, những ai mở mắt để nhìn đời và mở rộng tâm trí, suy tư để khỏi bị bề mặt giả dối của thế gian phỉnh gạt có thể nhận định rằng bão tố có thể nổi lên bất cứ lúc nào, những luồng nước lũ có thể xoáy tròn nguy hiểm như thế nào và bao nhiêu

hiểm họa khác, tiềm tàng sâu ẩn trong lòng biển cả đang chờ đợi. Bị lôi cuốn, lăn trôi theo những thăng trầm của một thế gian biến đổi vô cùng tận ắt không thể tìm ra hạnh phúc vững bền, mà mãi mãi triền miên lặp đi lặp lại những kiếp sống khổ đau thật là đáng sợ.

Trong hoàn cảnh nguy kịch tượng tợ một nương tựa quả thật là cần thiết, và từ trong thâm tâm ta quyết đi tìm một nương tựa châu toàn.

Một câu chuyện thuật rằng vào một thủa nọ Đức Thế Tôn ngự tại thành Savathi (Xá Vệ). Lúc ấy Vua Pasenadi (Ba Tư Nặc) đến hầu Phật và sau khi đảnh lễ xong vua ngồi lại một bên. Đức Thế Tôn hỏi:

- Tâu Đại Vương, Ngài đến đây có việc gì không?

- Bạch Hóa Đức Thế Tôn, từ bấy lâu nay con hết sức bận rộn với những công việc mà thường làm bận tâm hàng vua chúa -- các nhà vua dòng quý phái, các nhà vua say đắm trong độc dược của quyền thế, các nhà vua dễ duôi lăn trôi theo nhục dục ngũ trần, các nhà vua đã tạo nên cảnh thanh bình trong vương quốc của mình và sống với tư cách người chiến thắng, trị vì một vùng đất rộng lớn.

- Tâu Đại Vương, trong câu chuyện sau đây Đại Vương nghĩ thế nào? Thí dụ như có người kia từ phương Tây chạy về đến Ngài, một người trung thành, đáng tin cậy, và người ấy thông báo, "Tâu lệnh Hoàng Thượng, kẻ hạ thần từ các châu quận ở hướng Tây chạy về để tâu lên lệnh Thánh Hoàng rằng có một ngọn núi to lớn và cao chót vót tận trời, đang di chuyển dần đến và chà nghiến tan nát tất cả. Cúi xin Bệ Hạ am tường và lo liệu." Và thí dụ như có những người khác, người từ hướng Đông, người từ hướng Nam và người hướng Bắc, tất cả đều trung thành và đáng tin cậy, cũng về báo động như vậy. Tâu Đại Vương, từ bốn phía có bốn ngọn núi khổng lồ vồn vập trờ tới. Nghe như vậy thì Đại Vương vô cùng kinh hãi. Tiêu diệt kiếp sống làm người quả thật khủng khiếp, tái sanh trở lại vào cảnh người quả thật khó khăn, bấy giờ Đại Vương phải làm thế nào?

- Bạch Hóa Thế Tôn, tiêu diệt kiếp sống làm người quả thật vô cùng khủng khiếp, tái sanh trở lại làm người quả thật rất khó, bấy giờ con có thể làm cách nào khác hơn là cố gắng sống một cuộc sống chân chánh, công minh chánh trực, và làm những việc thiện, tạo phước báu.

- Tâu Đại Vương, xin Đại Vương lắng nghe, Như Lai tuyên ngôn:

"Tuổi già và sự chết đang trờ tới và lăn vồ vào Đại Vương! Tâu Đại Vương, vì tuổi già và sự chết tràn ngập lăn xả vào, Đại Vương phải làm thế nào?"

- Bạch hóa Đức Thế Tôn, bởi vì tuổi già và sự chết đang tràn ngập và lăn xả vào con, con có thể làm cách nào khác hơn là cố gắng sống cuộc sống chân chính, công minh chánh trực, và làm những việc thiện, tạo phước báu.

Bạch hóa Đức Thế Tôn, những việc như xua voi, ngựa, chiến xa và quân lính vào chiến tranh, những việc hằng làm bận tâm hàng vua chúa -- các nhà vua dòng quý phái, các

nhà vua say đắm trong độc dược của quyền thế, các nhà vua dễ duôi lăn trôi theo nhục dục ngũ trần, các nhà vua đã tạo nên cảnh thanh bình trong vương quốc mình và sống với tư cách người chiến thắng, trị vì một vùng đất rộng lớn -- những việc ấy không thể làm gì được, phạm vi năng lực của những việc ấy không thể làm gì để ngăn chống tuổi già và sự chết đang tràn ngập lăn vồ đến con. Bạch Hóa Đức Thế Tôn, trong triều đình có những vị quân sư tài giỏi, bùa phép cao cường, có thể dùng bùa chú ngăn ngừa cả đội binh địch. Trong quốc khố, Bạch Hóa Đức Thế Tôn, có vô số vòng vàng châu báu được tàng trữ, đầy cả kho, dư đủ để chống đỡ mọi chiến lược tài chánh. Tuy nhiên, bùa phép và tài sản ấy không thể ngăn chống sự chết và tuổi già đang tràn ngập lăn vồ đến con. Bây giờ con có thể làm cách nào khác hơn là cố gắng sống cuộc sống chân chính, công minh chánh trực, và làm những việc thiện, tạo phước báu?

- Đúng như vậy. Tâu Đại Vương, đúng như vậy ... Và Đức Phật mở lời khuyên dạy:

Cũng dường như những ngọn núi khổng lồ,
Cao thọc lên tận trời,
Vồn vập tiến đến, chà nát nghiến ngấu
Tất cả đồng bằng ở bốn hướng
Đông, Tây, Nam, Bắc, cùng thế ấy,
Tuổi già và sự chết lăn xả tràn ngập tất cả.
Người dòng quý tộc và bà la môn,
Người thường dân, người cùng đinh,
Không có ai chạy thoát,
Không ai có thể lẫn trốn hay tránh né
Triển vọng đen tối -- già và chết --
Bao trùm mỗi người, và tất cả mọi người.
Nơi đây (trong trường hợp này),
Không có chiến tượng, chiến mã,
Chiến xa hay chiến binh,
Cũng không có bùa phép hay thần chú
Không có kho tàng châu báu nào
Có thể ngăn chống.
Do đó, người có trí để suy tư,
Người thông minh sáng suốt,
Người có tâm lực hùng mạnh,
Hãy đặt niềm tin nơi Phật, Pháp, Tăng,
Hãy hành động chân chính
Bằng thân, khẩu, ý.
Người ấy, nơi đây được ngợi khen
Và trong kiếp sống vị lai
Được hạnh phúc.

(Saymyutta Nikaya, Tạp A Hàm, chương 3, phần 3, bài số 5)
Nương Tựa Châu Toàn

Có chăng một nương tựa châu toàn trên thế gian?

Người Phật tử quả quyết là có, và đó là Tam Bảo: Đức Phật, Giáo Pháp mà Ngài đã khám phá và soi sáng cho chúng sanh và chư Tăng là những vị đã sớm bước theo dấu chân Ngài. Trong câu chuyện kể trên, vị hiền nhân từ bi vô lượng là Đức Phật. Ngài vạch ra Con Đường và chỉ dẫn lối đi cho những ai có tai muốn nghe, có tâm trí muốn suy tư và có ý chí muốn thực hành. Đức Phật đã nhập diệt nhưng Giáo Pháp vẫn còn đó. Chư Tăng là những vị đã sớm noi theo gương Ngài, đã bước chân lên Con Đường và sẵn lòng dắt dẫn những ai muốn đi trên Con Đường.

Quy Y Phật Bảo

Phật là ai? -- Trong quyển The Buddha and His Teachings có đoạn Ngài Đại Đức Narada viết như sau:

"Phạn ngữ 'Buddha' (Phật) xuất nguyên từ căn "Budh" có nghĩa là hiểu biết hay thức tỉnh. Gọi là Phật (Buddha) vì Ngài hiểu biết đầy đủ Bốn Chân Lý Thâm Sâu Cao Thượng (Tứ Diệu Đế), và từ giấc mơ vô minh Ngài đã thức tỉnh. Chẳng những hoàn toàn thấu triệt mà Ngài còn có đủ khả năng truyền bá Giáo Pháp nên cũng được tôn là Samma Sambuddha (âm là Tam Miệu Tam Bồ Đề), bậc Chánh Đẳng Chánh Giác, Chánh Biến Tri, để phân biệt với chư Phật Độc Giác (Pacceka Buddha, âm là Bích Chi Phật), chỉ thấu triệt Giáo Lý mà không thể rọi sáng cho kẻ khác, tự giác mà không thể giác tha.

"Trước khi thành tựu Đạo Quả Phật Ngài được gọi là Bồ Tát (Bodhisatta, "Bodhi" là trí tuệ hay tuệ giác + "Satta" là gia công, hay chuyên chú để ... Vậy, Bodhisatta, Bồ Tát, là người gia công, hay chuyên chú để thành đạt trí tuệ hay giác tuệ, người có chú nguyện trở thành Phật). Người phát nguyện gia công thành đạt Đạo Quả Phật phải trải qua thời kỳ Bồ Tát, một thời kỳ tích cực trau giồi và phát triển những phẩm hạnh: Bố thí, trì giới, xuất gia (trong ý nghĩa khước từ, buông bỏ), trí tuệ, tinh tấn, nhẫn nại, chân thật, quyết định, tâm từ và tâm xả. (Đó là mười đức tính cao quý vượt hẳn thế tục, gọi là Parami -- âm là Ba La Mật --. "Param" là bên kia, sự sáng suốt, sự giác ngộ, bờ giác. "I" là đi. Theo nghĩa trắng là cái gì có thể đưa ta sang bờ bên kia, đáo bỉ ngạn).

"Trong một thời kỳ chỉ có một đấng Chánh Biến Tri. Cũng như những loại cây trọn đời chỉ trổ ra một bông, một hệ thống thế gian chỉ có một đấng Chánh Biến Tri".

Người Phật tử hằng ngày xưng tán Đức Phật, đọc tụng mười hồng danh, tôn Đức Thế Tôn là đấng: Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự, Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.

1) Đấng Ứng Cúng (Araham, âm là A La Hán). Tôn Ngài là bậc Ứng Cúng là vì:

Ngài có phẩm hạnh hoàn toàn trong sạch, đã tận diệt ô nhiễm, đã xa lìa những bợn nhơ ngủ ngầm trong tâm.

Ngài đã phá tan và thoát ra khỏi vòng luân hồi, chấm dứt chuỗi dài sống-chết, chết-sống triền miên và không còn tái sinh nữa.

Ngài là bậc chí tôn chí thánh, xứng đáng để cho chư Thiên và nhân loại lễ bái cúng dường. Ngài là phúc điền vô thượng, là thửa ruộng đệ nhất phì nhiêu để chúng sanh gieo trồng phước báu.

2) Đấng Chánh Biến Tri (Sammasambuddho, âm là Tam Miệu Tam Bồ Đề. Đôi khi ta thấy danh hiệu A Nậu Đà La Tam Miệu Tam Bồ Đề. "A Nậu Đà La" là phiên âm của Phạn ngữ Anuttara, có nghĩa là không ai sánh bằng) . Bậc Chánh Giác (Sambuddho), thông suốt các pháp một cách chân chánh và tự mình, chứng ngộ, không thầy chỉ dạy. Nơi đây, "không thầy chỉ dạy" có nghĩa là không có vị thầy nào chỉ dạy Ngài phương pháp tu học để chứng đắc Đạo Quả Chánh Đẳng Giác.

Trong bài kinh Ariyapariyesana số 26 của bộ Trung A Hàm, Majjhima Nikaya, Đức Phật tuyên ngôn, "Name acariyo atthi", một đạo sư, ta không có. Trước kia Ngài có học với những vị thầy như Alara Kalama, Uddaka Ramaputta để hiểu thế gian pháp, nhưng để tiến đến tầng siêu thế thì chính Ngài phải tự mình suy niệm, quay cái nhìn trở vào trong và đã tìm chân lý bên trong Ngài. Theo dõi đến mức sâu xa nhất của dòng tư tưởng Ngài chứng ngộ Chân Lý cùng tột, chưa từng được biết.

3) Đấng Minh Hạnh Túc (Vijacaranasampanno, "vijja" minh + "carana" hạnh + "sampanno" đầy đủ). Minh hạnh đầy đủ, trí tuệ viên thông, vừa sâu sắc vừa mênh mông bao quát, đức hạnh thanh cao siêu xuất.

Theo sách Thanh Tịnh Đạo (Visuddhi Magga), Ngài đầy đủ "minh" vì là bậc Đại Giác và đầy đủ "hạnh" vì Ngài là bậc Đại Bi. Vì là bậc Đại Giác Ngài rõ thông điều nào lợi ích và điều nào có hại cho chúng sanh và vì là bậc Đại Bi Ngài cảnh giác chúng sanh không nên làm điều bất thiện và khuyến khích chúng sanh làm điều thiện.

4) Đấng Thiện Thệ (Sugata, người đi "gato", chân chánh "su").

Ngài đi chân chánh vì đi trên Con Đường Cao Quý, tức Bát Thánh Đạo.

Ngài đi theo phương cách chân chánh vì dứt bỏ mọi luyến ái và hướng đến châu toàn.

Mục tiêu cuộc hành trình của Ngài là chân chánh vì đó là Niết Bàn.

Ngài cũng đi chân chánh vì đi thẳng đường, không quanh co hay lui tới. Từ ngày được Đức Phật Dipankara (Nhiên Đăng) thọ ký Ngài không ngừng tạo an lành và hạnh phúc cho toàn thể thế gian bằng cách thực hành 30 pháp Ba La Mật (Mười Ba La Mật, Thập Độ, ở ba tầng lớp hạ, trung, thượng khác nhau, 10x3=30) và bằng cách thẳng tiến trên con đường, không quanh co hay thiên về cực đoan nào, thường còn hay tuyệt diệt, lợi dưỡng trong nhục dục ngũ trần hay đắm chìm trong khổ hạnh v.v...

5) Đấng Thế Gian Giải (Lokavidu, thông suốt cả Tam Giới, gồm Dục Giới, Sắc Giới, và Vô Sắc Giới).

Tam Giới thuộc về thế gian, Niết Bàn là siêu thế. Ngài đã kinh nghiệm và thông suốt thấu đáo thế gian dưới tất cả mọi khía cạnh như về bản chất cá nhân, về sự phát sanh,

sự chấm dứt và phương tiện đưa đến chấm dứt thế gian.

6) Đấng Vô Thượng Sĩ (Anuttara, không ai sánh bằng, vô song, vô thượng).

Trong toàn thể Tam giới Đức Phật có nhiều đặc tánh cao thượng, quý trọng hơn tất cả, về giới hạnh, về pháp hành thiền, về trí tuệ, về giải thoát, về tri kiến giải thoát, không ai hơn hoặc sánh bằng Ngài, vì thế nên tôn Ngài là Vô Song, hay Vô Thượng Sĩ.

7) Đấng Điều Ngự Trượng Phu (Purisa-damma sarathi, "sarathi" là vị hướng đạo + "purisa" là những người hữu duyên + "damma", đáng được giáo hóa).

Sách Thanh Tịnh Đạo gom hai hồng danh (6) và (7) này làm một: Anuttaro Purisadammasarathi, vị chỉ đạo vô song, bậc tế độ những người hữu duyên đáng được tế độ mà không ai sánh bằng. Dầu phân làm hai hay gom làm một, chỉ khác nhau ở hình thức.

Vì Ngài rèn luyện, un đúc, khép vào khuôn khổ giới luật những chúng sanh cần được huấn luyện và đưa những chúng sanh ấy đến giới đức trong sạch, trí tuệ tuyệt hảo v.v... nên tôn Ngài là vị chỉ đạo vô song, hướng dẫn người hữu duyên đáng được huấn luyện.

Như người trưởng toán của một đoàn xe, điều động khôn khéo, đưa tất cả về đến nơi đến chốn một cách an toàn, xuyên qua những khu rừng hiểm nguy đầy giặc cướp, thú dữ và ma quái, không có xóm làng, không vật thực, không nước uống. Vị ấy đưa thẳng xuyên, qua trọn vẹn, đầy đủ và thích nghi, đến vùng đất an lành. Cùng thế ấy Đức Thế Tôn là bậc lãnh đạo trí tuệ, điều động chúng sanh xuyên qua khu rừng sanh- tử, tử-sanh đầy chông gai và đá nhọn vô cùng hiểm nguy và lao khổ.

8) Đấng Thiên Nhân Sư (Sattha Devamanussanam, bậc thầy của chư Thiên và nhân loại).

Tôn Ngài là bậc thầy vì Ngài dạy các pháp có lợi ích hiện tiền, tại nơi đây, có lợi ích trong những kiếp sống vị lai và các pháp dẫn đến mục tiêu tối hậu là Niết Bàn.

Chẳng những Ngài dạy người mà trong lúc đêm khuya thanh vắng thường chư Thiên đến hầu Ngài và cung thỉnh Ngài từ bi chỉ giáo. Danh tánh các vị Trời, từ cảnh trời nào các vị ấy đến, các vị ấy hỏi gì, lúc Đức Phật ngự tại đâu và Đức Thế Tôn giảng giải như thế nào, tất cả đều có ghi lại đầy đủ trong Tam Tạng Kinh. Riêng Bộ Tạp A Hàm, một trong năm bộ của Tạng Kinh (Sutta Pitaka) có dành trọn một chương ghi những cuộc vấn đạo của chư Thiên.

9) Đấng Giác Ngộ (Buddho, Phật).

Từ giấc mơ vô minh Ngài đã thức tỉnh, Thành Đạo dưới cội bồ đề. Đây là kết quả của công phu tích cực tu tập, thực hành tròn đủ 30 pháp ba la mật trong suốt bốn a-tăng-kỳ (asankeyya kappa) và một trăm ngàn đại kiếp. Trong kiếp sống cuối cùng, "sau cuộc chiến đấu kỳ diệu phi thường kéo dài sáu năm đăng đẳng, không có sự hỗ trợ từ bên ngoài và không được sự hướng dẫn của một năng lực siêu phàm nào, cô độc một mình và chỉ nương nhờ sự nỗ lực của mình, Bồ Tát Cồ Đàm, lúc ấy ba mươi lăm tuổi, tận diệt mọi ô nhiễm ngủ ngầm từ vô lượng tiền kiếp, chấm dứt mọi tiến trình tham ái và

chứng ngộ thực tướng của vạn pháp, trở thành một vị Phật (Buddha), bậc Toàn Giác".

Để trả lời vị bà la môn Dona, muốn biết Phật là ai, Đức Phật tuyên ngôn:

"Như hoa sen đẹp đẽ và dễ mến,
Không ô nhiễm bùn dơ nước đục
Giữa đám bụi trần ta không vướng chút bợn nhơ,
Như thể ấy, Ta là Phật"
(Anguttara Nikaya, Tăng Nhứt A Hàm, phần 2, trang 37)
Không phải khi sanh ra Ngài đã là Phật mà Ngài thành Phật nhờ sự nỗ lực của chính mình. Ngài đã tỉnh giấc, nhận thức rõ ràng những đau khổ của chúng sanh đang còn mê ngủ và chứng nghiệm hạnh

phúc an lạc của Niết Bàn. Với tâm từ vô lượng, tâm bi vô biên, Ngài châu du hoằng hóa, tế độ chúng sanh trọn 45 năm.

10) Đức Thế Tôn (Bhagava, một danh từ diễn đạt lòng tôn sùng kỉnh mộ).

Đây là một hồng danh đặc biệt mà Ngài thành đạt do sự liễu ngộ vô thượng, Chánh Đẳng Chánh Giác, cùng với tri kiến toàn hảo.

Khi thấu hiểu những đức hạnh, trí tuệ, công đức và lòng từ bi vô lượng của Đức Phật thì một cách hồn nhiên tâm ta tràn ngập những tư tưởng tri ân, kỉnh mộ, tôn sùng, quý mến v.v... ta nhận định chắc chắn rằng đó hẳn là nương tựa châu toàn nhất mà chúng sanh có thể có và từ đó, nảy nở một niềm tin vững chắc nơi Đức Bổn Sư và, cũng một cách hồn nhiên, từ đáy lòng giục ta đọc lên câu: "Buddham saranam gachami". Tôi xin về nương tựa nơi Đức Phật.

Một triết gia trứ danh người Đan Mạch, Ông Fausball, tán dương Đức Thế Tôn với những lời lẽ như sau: "Càng hiểu biết Ngài tôi càng quý mến Ngài".

Cố Đại Đức Narada, người Tích Lan, phụ họa: "Càng hiểu biết Ngài tôi càng quý mến Ngài. Càng quý mến Ngài tôi càng hiểu biết Ngài. Một tín đồ từ tốn của Đức Phật sẽ nói như vậy".

Quy Y Pháp Bảo

Đức Phật là nương tựa châu toàn. Nhưng Ngài đã nhập diệt. Trước giờ Đại Niết Bàn, Đức Ananda (A Nan) bạch hỏi Ngài rằng sau khi Ngài nhập diệt rồi thì vị nào sẽ thay thế Ngài để chưởng quản Giáo Hội. Đức Phật dạy:

"Này Ananda, có thể con sẽ nói rằng Giáo Huấn Tối Cao không còn thầy giảng dạy, chúng con sẽ không còn Đạo Sư. Không nên, Ananda, con không nên suy tư như thế. Giáo Pháp và Giới Luật đã được Như Lai truyền dạy và quảng bá rộng rãi. Này Ananda, khi Như Lai nhập diệt rồi thì Giáo Pháp và Giới Luật ấy sẽ là thầy của chúng con". (Mahaparinibbana Sutta, Kinh Đại Niết Bàn)

Lời dạy của Đức Bổn Sư rất rõ ràng: Khi Ngài nhập diệt rồi thì hàng Phật Tử -- xuất gia và tại gia cư sĩ -- hãy xem Giáo Pháp và Giới Luật (Dhamma Vinaya) là thầy.

Từ ngày ấy, hơn 2500 năm đã trôi qua. Nhưng giáo lý vàng ngọc mà trong 45 năm trường Đức Phật đã dày công giảng dạy bằng nhiều phương cách khác nhau vẫn được lưu truyền trọn vẹn. Giáo Pháp, hay những lời dạy của Đức Thế Tôn, được tôn trí đầy đủ trong ba tạng: Tạng Kinh, Tạng Luật, và Tạng Luận. Đó là kho tàng Pháp Bảo.

Giáo Pháp có đặc tánh gìn giữ, bảo vệ, nâng đỡ những chúng sanh nào thực hành theo đúng lời dạy, không để rơi vào khổ cảnh. Giáo Pháp đem ánh sáng đến người tối tăm mê muội, giúp phân biệt điều phải lẽ quấy, đường chánh nẻo tà, chỉ rõ nghiệp báo tái sanh để chúng sanh sửa mình, dọn đường tiến đến những cảnh giới nhàn lạc hạnh phúc. Hơn nữa, nếu được thực hành đúng mức, Giáo Pháp còn có thể đưa thoát ra khỏi mọi hình thức khổ đau của vòng luân hồi, đến trạng thái tịch tịnh trường cửu.

Câu kinh tán dương Ân Đức Pháp Bảo (Dhamma Guna) mà người Phật tử hằng ngày đọc tụng có ý nghĩa như sau:

"Giáo Pháp được Đức Thế Tôn truyền dạy một cách toàn hảo là để tự mình chứng ngộ, tức khắc trổ quả, mời đến quan sát, dẫn đến Niết Bàn, để cho bậc thiện trí thấu đạt, mỗi vị cho chính mình".

1) Giáo Pháp Được Đức Thế Tôn Truyền Dạy Một Cách Toàn Hảo (Svakkhato bhagavata dhammo). Phạn ngữ Dhamma, Giáo Pháp, ở đây bao gồm cả hai: pháp tại thế và pháp siêu thế. Trong phần còn lại của câu kinh "Giáo Pháp" chỉ đề cập đến pháp siêu thế. Nói cách khác, trong vế đầu của câu kinh tụng -- Giáo Pháp được Đức Thế Tôn truyền dạy một cách toàn hảo -- danh từ Giáo Pháp hàm súc

những lời dạy của Đức Thế Tôn để dẫn dắt chúng sanh từ phàm trở nên Thánh, còn các vế sau của câu kinh (để tự mình chứng ngộ v.v...) đề cập đến những đặc tính của Giáo Pháp khi người thực hành đúng mức chứng đạt Đạo và Quả Thánh.

Toàn thể Giáo Pháp được Đức Thế Tôn truyền dạy một cách toàn hảo bởi vì: toàn hảo ở đoạn đầu, toàn hảo ở đoạn giữa và toàn hảo ở đoạn cuối. Và bởi vì Giáo Pháp mở đường đưa đến đời sống trong sạch toàn hảo.

Hiểu theo một lối, toàn thể Giáo Pháp hoàn toàn tốt đẹp ở đoạn đầu là "Giới", vì giới đem lại trạng thái an lành; hoàn toàn tốt đẹp ở đoạn giữa là "Định", tức thiền Định và thiền Minh Sát, vì định đem lại trạng thái vắng lặng, an lạc, tự tại và trí tuệ minh sát; và tốt đẹp ở đoạn cuối là Đạo, Quả và Niết Bàn.

Lại nữa, trong Tam Tạng Pháp Bảo, từ Tạng Luật đến Tạng Kinh đến Tạng Luận, nếu phân tích từng phần, đoạn nào cũng toàn hảo vì đoạn nào cũng nhằm đưa đến giải thoát.

2) Tự Mình Chứng Ngộ (Sanditthiko, chứng ngộ, thấy một cách chân chánh), có nghĩa là khi đã thực hành đầy đủ phận sự và hoàn tất cuộc hành trình trên Con Đường, đương nhiên hành giả đến nơi tuyệt đối an toàn, và trạng thái tuyệt đối an toàn này chính hành giả tự tạo cho mình, không phải có ai ban bố. Sở dĩ hạng phàm nhân chúng ta còn đau khổ là vì chúng ta còn mang nhiều bợn nhơ trong tâm như tham, sân, si, ganh tỵ, ngã mạn, tà kiến v.v... và vì chúng ta bị màn vô minh che lấp nên không thấy được sự

thật. Chúng ta thấy giả tưởng thực, thấy vô thường biến đổi ngỡ là thường còn, thấy đau khổ tưởng hạnh phúc và chạy theo, cố rượt bắt cho được cái huyễn ảo, không thực có. Kết quả hiển nhiên phải là thất bại và từ đó, sanh ra bất mãn, bất toại nguyện, đau khổ. Bậc Thánh Nhân đã thanh lọc mọi bợn nhơ -- thô kịch và vi tế -- đã khai triển trí tuệ minh sát, chừng ấy không cần có ai ban thưởng, tự nhiên các Ngài tri tỏ, trực nhận thực tướng của vạn pháp, chứng ngộ Đạo và Quả.

3) Tức Khắc Trổ Quả (Akaliko, không đợi thì giờ), có nghĩa là khi đắc Đạo rồi thì Quả tức khắc trổ liền sau đó. Chúng sanh còn trong tam giới -- tức còn là phàm nhân -- khi có hành động, thiện hay bất thiện, thì hành động này là nhân. Nhân đã gieo, quả sẽ trổ sớm hay muộn, trong kiếp hiện tiền hay trong một kiếp nào ở thời vị lai. Đó là quả tại thế (vipaka). Còn Quả ở đây thuộc về siêu thế pháp, là Quả (phala) của Đạo (magga). Đạo là chập tâm của hành giả lúc bước vào dòng suối của chư Thánh. Khi Đạo phát sanh vừa chấm dứt thì liền tức khắc sau đó Quả phát sanh. Vì lẽ ấy, một trong các đặc tánh của Giáo Pháp là khi đến mức rồi, tức lúc đắc Đạo, tức thì Quả trổ sanh, không đợi thì giờ (Akaliko).

4) Mời Đến Quan Sát (Ehipasiko), có nghĩa là xứng đáng để mời người khác đến xem xét. Tại sao? Vì bên trong Giáo Pháp có chứa đựng nội dung phong phú và vì Giáo Pháp đưa đến lối sống tinh khiết, trong sạch. Nếu người kia không có gì trong tay hay nắm trong tay những đồ bẩn thỉu, ắt người ấy không nói rằng trong tay mình có vòng vàng châu báu và không mời ai đến xem. Nơi đây, trong Giáo Pháp này, chắc chắn và rõ ràng có chín pháp siêu thế (bốn Đạo, bốn Quả và Niết Bàn) và có đời sống tuyệt đối trong sạch, vì lẽ ấy xứng đáng mời đến quan sát.

5) Dẫn Đến Niết Bàn (Opanayiko, dẫn đi tới), vì đặc tánh của Giáo Pháp là đưa bậc thiện trí thẳng đến Niết Bàn.

6) Để Cho Bậc Thiện Trí Thấu Đạt, Mỗi Vị Cho Chính Mình (Paccattam veditabbo vinnuhi'ti). Trên con đường dẫn đến Niết Bàn chỉ có bậc thiện trí thức mới có thể thể thấu đạt Giáo Pháp, hạng cuồng si không thể được. Nên ghi nhận rằng ở đây, "thấu đạt" Giáo Pháp có nghĩa là chứng ngộ, thấu hiểu bằng trí tuệ minh sát chớ không phải hiểu biết ở tầng lớp trí thức. Và mỗi cá nhân chỉ có thể tự mình chứng ngộ. Không ai có thể học cho người khác hay chữ, không thể tập bơi cho người khác biết lội. Một vị thầy -- dù là Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni -- chỉ có thể vạch ra con đường, mà không thể cất bước đi trên con đường để cho bất luận ai đến. Người nào thanh lọc tâm thì chỉ tâm của người đó trong sạch. Người nào phát triển trí tuệ thì chỉ trí tuệ của người đó trở nên sâu sắc.

Trên đây là những ân đức (guna) của Pháp Bảo. Người đã thấu hiểu những đặc tính và thấm nhuần ý nghĩa của Pháp Bảo càng ngày càng cảm nghe quý mến, kỉnh mộ, tôn sùng những lời vàng ngọc ấy. Niềm tin của người ấy ngày càng vững chắc. Từ lý trí đến xúc cảm, người ấy vững lòng đặt trọn cuộc sống của mình dưới sự hướng dẫn và bảo bọc của Giáo Pháp. Câu: "Dhammam saranam gacchami", tôi xin về nương tựa nơi Giáo Pháp, tự nhiên đến với người ấy.

Quy Y Tăng Bảo

Giữa khu rừng rậm mênh mông của những kiếp sinh tồn trong vòng luân hồi, giữa cảnh đôn đáo chạy tới chạy lui để tìm con đường thoát ra khỏi những hiểm nguy rùng rợn của khu rừng ấy, Đức Phật đã gia công trong hàng trăm, hàng ngàn, hàng trăm ngàn, hàng triệu, nhiều triệu kiếp sống để vạch ra Con Đường. Và trong kiếp cuối cùng, khi đã đến mức tận cùng của Con Đường, chứng ngộ Đạo Quả Vô Thượng, Chánh Đẳng Chánh Giác, Chánh Biến Tri, Ngài không quảng ngại công lao, đi từ làng này đến làng khác, từ tỉnh nọ đến tỉnh kia, đi trên những con đường lớn và các nẻo nhỏ, cùng khắp miền Bắc xứ Ấn Độ, để truyền bá bức thông điệp từ bi và trí tuệ, đem sự an lành đến toàn thể chúng sanh.

Trong những năm đầu tiên sau khi Thành Đạo, Ngài gởi sáu mươi vị đệ tử A La Hán đi hoằng Pháp với những lời nhắn nhủ như sau:

"...Hãy ra đi, các Tỳ Khưu, đem lại sự tốt đẹp cho nhiều người, đem hạnh phúc lại cho nhiều người. Vì lòng từ bi, hãy đem lại sự tốt đẹp, lợi ích và hạnh phúc cho chư Thiên và nhân loại. Mỗi người hãy đi một ngã. Này hỡi các Tỳ Khưu, hãy hoằng dương Giáo Pháp, toàn hảo ở đoạn đầu, toàn hảo ở đoạn giữa, toàn hảo ở đoạn cuối cùng, toàn hảo ở cả hai, tinh thần và văn tự. Hãy công bố đời sống thiêng liêng cao thượng, vừa toàn thiện vừa thanh tịnh. "

"Có những chúng sanh vướng ít nhiều cát bụi trong mắt và nếu không nghe được Giáo Pháp ắt sẽ sa đọa. Cũng sẽ có người am hiểu..."

"Hãy phất lên ngọn cờ của bậc thiện trí. Hãy truyền dạy Giáo Pháp cao siêu. Hãy mang lại sự tốt đẹp cho người khác..." (Mahavagga, Trang 19, 20)

Như vậy, chức vụ căn bản của chư vị A La Hán, những người đã thành tựu mục tiêu giải thoát, là nâng đỡ đời sống đạo đức của người khác bằng cách nêu gương lành trong sạch và truyền dạy Giáo Pháp.

Đức Bổn Sư là người khám phá và soi sáng Con Đường. Giáo Pháp, những lời dạy của Ngài, là Con Đường. Con Đường vẫn còn đó, nhưng nếu không có người đi, lâu ngày chồi cây sẽ mọc lên trở lại và sẽ lấp mất. Lại nữa, tuy có Con Đường nhưng nếu không có ai chỉ dẫn, ắt chúng ta sẽ lạc nẻo. Chư Tăng là những vị đã noi theo bước chân của Đức Bổn Sư đi trên Con Đường và, đúng theo tôn chỉ tự giác, giác tha của Phật Giáo các ngài sẵn sàng và hoan hỷ dẫn dắt những ai vui lòng theo chân mình.

Câu kinh đọc tụng để tán dương Tăng Bảo có ý nghĩa như sau:

"Giáo Hội Chư Thinh Văn Đệ Tử Của Đức Thế Tôn có phẩm hạnh toàn hảo, có phẩm hạnh chân chính, có phẩm hạnh của bậc trí tuệ, có phẩm hạnh của bậc đã hoàn tất nhiệm vụ. Giáo Hội Chư Thinh Văn Đệ Tử Của Đức Thế Tôn -- nếu tính đôi thì có bốn và nếu tính riêng rẽ thì có tám -- là những vị xứng đáng thọ lãnh lễ vật, xứng đáng thọ lãnh sự tiếp đãi nồng hậu, xứng đáng thọ lãnh vật cúng dường, xứng đáng thọ lãnh lễ bái, là phúc điền vô thượng trên thế gian".

1) Giáo Hội Chư Thinh Văn Đệ Tử Của Đức Thế Tôn Có Phẩm Hạnh Toàn Hảo (Supatipanno bhagavato savakasangho). "Savaka" là người nghe, những vị chăm chú lắng nghe lời chỉ dạy của Đức Bổn Sư, là những vị Thinh Văn đệ tử của Ngài. "Sangho", âm là Tăng Già, là đoàn thể một nhóm đông người đồng chí hướng, hợp lại sống chung trong một hệ thống kỹ cương. Ở đây là những vị tự nguyện đặt mình dưới sự hướng dẫn của Đức Phật, tự nguyện khép mình vào khuôn khổ đức hạnh của Giới Luật và ngồi chung lại dưới chân Đức Thế Tôn (bhagava), chăm chú nghe (savaka) Giáo Pháp. Do đó, savako sangho là Giáo Hội chư Thinh Văn đệ tử của Đức Thê Tôn.

Các vị này có phẩm hạnh toàn hảo (supatipanno, đi vào con đường toàn hảo) vì các ngài đi vào con đường chân chánh, con đường thẳng tiến không trở đi trở lại, con đường thích ứng với Chân Lý, con đường hợp với Giáo Pháp mà Đức Thế Tôn đã giảng dạy một cách toàn hảo.

2) Giáo Hội Chư Thinh Văn Đệ Tử Của Đức Thế Tôn Có Phẩm Hạnh Chân Chính (Ujupatipanno bhagavato savakasangho) vì các Ngài đi vào con đường ngay thẳng, không quanh co, không xiêng vẹo, con đường chánh đáng, đúng thật là con đường.

Con đường của các Ngài là ngay thẳng vì đi ở khoảng giữa (Trung Đạo), lánh xa hai cực đoan lợi dưỡng và khổ hạnh, lánh xa những quanh co xiêng vẹo của thân, khẩu, ý. Con đường ấy là chánh đáng vì đó là con đường của chư vị A La Hán. Đó đúng thật là con đường vì đường ấy dẫn đến giải thoát, Niết Bàn.

3) Giáo Hội Chư Thinh Văn Đệ Tử Của Đức Thế Tôn Có Phẩm Hạnh Của Bậc Trí Tuệ (Nayapatipanno bhagavato savakasangho) vì các Ngài tận lực đi suốt ba giai đoạn Giới, Định, Tuệ của Con Đường.

4) Giáo Hội ... Nếu Tính Đôi thì Có Bốn Và Nếu Tính Riêng Rẽ Thì Có Tám (Yadidam cattari purisa yugani atthapurisapuggala esa bhagavato savakasangho). Có bốn Đạo: Tu Đà Hườn Đạo, Tư Đà Hàm Đạo, A Na Hàm Đạo và A La Hán Đạo và có bốn Quả: Tu Đà Hườn Quả, Tư Đà Hàm Quả, A Na Hàm Quả và A La Hán Quả.

Nếu tính đôi: Tu Đà Hườn Đạo và Quả, Tư Đà Hàm Đạo và Quả, A Na Hàm Đạo và Quả, A La Hán Đạo và Quả thì có bốn đôi.

Bây giờ, nếu tính riêng rẽ: Tu Đà Hườn Đạo, Tu Đà Hườn Quả, Tu Đà Hàm Đạo, Tư Đà Hàm Quả, A Na Hàm Đạo, A Na Hàm Quả, A La Hán Đạo, A La Hán Quả thì có tám.

5) Giáo Hội ... Đáng Thọ Lãnh Lễ Vật (Ahuneyyo). Những lễ vật được đề cập ở đây là bốn vật dụng cần thiết trong đời sống: vật thực, y phục, thuốc men và chỗ ở. Chư Tăng là những vị giới đức trong sạch, xứng đáng thọ lãnh những lễ vật mà người dâng có thể đi từ phương xa đến hoặc đã dày công tạo nên, và dâng cúng một cách thành kính.

6) Giáo Hội ... Đáng Thọ Lãnh Sự Tiếp Đãi Nồng Hậu (Pahuneyyo). Sự tiếp đãi nồng hậu mà người thí chủ thường dành để đón mừng những khách quý hay thân bằng quyến thuộc từ những nơi xa xôi đến, chư Tăng là những vị xứng đáng thọ lãnh sự tiếp đón nồng hậu ấy.

Được sanh làm người là hy hữu. Được sanh làm người trong thời kỳ có Giáo Pháp của một vị Phật đang lưu truyền lại càng hy hữu hơn nữa. Vậy, được sanh làm người trong thời kỳ có Giáo Pháp lưu truyền, lại còn được cung thỉnh đón mừng những vị "Như Lai Sứ Giả" thì quả thật là cơ hội ngàn vàng. Chư Tăng -- những hội viên của Giáo Hội chư Thinh Văn Đệ Tử mà nếu tính đôi v.v..., tức hội viên của Giáo Hội chư Thánh Tăng -- là những vị xứng đáng thọ nhận sự tiếp đãi nồng hậu ấy.

7) Giáo Hội ... Đáng Thọ Lãnh Những Lễ Vật Cúng Dường (Dakkhineyyo) trong ý nghĩa là các Ngài giúp cho các lễ vật cúng dường ấy trở nên trong sạch và có khả năng tạo nhiều quả phúc.

8) Giáo Hội ... Đáng Thọ Lãnh Lễ Bái (Anjalikaraniyo), vì các Ngài có nhiều đức hạnh thanh cao trong sạch.

9) Giáo Hội ... Là Phúc Điền Vô Thượng Trên Thế Gian (Anuttaram punnakkhenttam lokassa'ti), là ruộng phước đệ nhất phì nhiêu trong thiên hạ.

Con Đường, tức Giáo Pháp, đã được Đức Thế Tôn khám phá và rọi sáng. Chư Tăng là những vị có niềm tin nơi Đức Phật, chăm chú lắng nghe lời Phật giảng dạy và noi theo Con Đường. Từ ngày ấy, nhiều vị đã thành công rực rỡ, chứng đắc Đạo Quả Cao Thượng. Những vị khác -- những vị còn là

phàm Tăng nhưng là hội viên của Giáo Hội của chư Thánh Tăng -- tuy chưa đến tuyệt đỉnh vinh quang nhưng các Ngài đang tận lực tiến bước.

***

Đó là ba ngôi báu chắc chắn là nơi nương tựa châu toàn. Khi hiểu rõ như vậy, chúng ta đặt trọn vẹn niềm tin nơi Tam Bảo và hướng về Phật, Pháp, Tăng chúng ta đọc lên câu quy y:

Buddham saranam gacchami - Con xin quy y Phật. Dhammam saranam gacchami - Con xin quy y Pháp. Sangham saranam gacchami - Con xin quy y Tăng.

Quy y Tam Bảo là hành động có ý thức sau khi đã hiểu biết rõ ràng và quyết tâm, chớ không phải là thọ hành suông một nghi thức theo tập tục cổ truyền, cũng không phải để biểu lộ một đức tin ít nhiều mù quáng.

Khi tự nguyện bước theo dấu chân Đức Phật, hành theo những lời dạy của Giáo Pháp và đặt mình dưới sự dắt dẫn của chư Tăng, người Phật tử không làm nô lệ cho một quyển sách hay một cá nhân mà hoàn toàn tự do thực hiện ý chí mở mang kiến thức và khai triển trí tuệ. Người Phật Tử không tin rằng chỉ quy y Tam Bảo suông mà mình có thể trở nên trong sạch, bởi vì Giáo Pháp dạy họ:

"Chỉ có ta làm điều tội lỗi,
Chỉ có ta làm cho ta ô nhiễm,
Chỉ có ta tránh điều tội lỗi,
Chỉ có ta gội rửa cho ta.
Trong sạch hay ô nhiễm là tự nơi ta.

Không ai có thể
Làm cho người khác trở nên trong sạch."
(Kinh Pháp Cú, câu 145)
Đức Phật là vị Tôn Sư có tâm từ vô lượng, tâm bi vô biên, nhưng Ngài chỉ có thể tế độ chúng ta bằng cách khám phá và rọi sáng con đường. Chính ta phải đặt chân lên con đường và tiến bước, chính ta phải lãnh lấy trách nhiệm gội rửa thân tâm của mình. Dầu là một vị Phật đại từ đại bi có rất nhiều quyền năng, Ngài không thể rửa gội bợn nhơ của ai chỉ vì người này có đức tin nơi Ngài và van vái nguyện cầu. Đức Phật dạy:

"Các con phải cố gắng, chư Phật chỉ là những vị Thầy". (Kinh Pháp Cú, câu 276)

"Người tôn kính Như Lai nhất là người thực hành Giáo Pháp đúng nhất", và trong một trường hợp khác Ngài dạy: "Người nào thấy Giáo Pháp là thấy Như Lai".

Khi những người Kalama xứ Kesaputta đến xin Đức Phật chỉ dạy phải tin như thế nào, vì có nhiều vị tu sĩ, nhiều vị bà la môn đến đấy giảng đạo mà vị nào cũng khuyến dụ dân chúng chỉ nên tin giáo lý của môn phái mình. Các vị này cũng tỏ ý khinh khi những đạo giáo khác, cho là thấp hèn. Vì lẽ ấy người dân Kalama rất hoang mang.

Ghi lại lời dạy của Đức Bổn Sư Kinh Kalama Sutta (Anguttara Nikaya, Tika Nipata, Mahavagga, bài kinh số 65), có đoạn như sau:

"... Đúng như vậy, hỡi người Kalama, các con hoài nghi là phải, các con ngờ vực là phải. Trong trường hợp khả nghi ắt ngờ vực phát sanh. Hãy đến đây! Người Kalama,

* Không nên chấp nhận điều gì chỉ vì tập tục cổ phong truyền lại như thế (tỷ như nghĩ rằng điều này đã được lưu truyền từ bao nhiêu thế hệ thì phải là đúng). * Không nên chấp nhận điều gì chỉ vì có lời đồn đãi như vậy (tỷ như tin lời người khác mà không suy

xét). * Không nên chấp nhận điều gì chỉ vì điều ấy đã được ghi chép trong kinh sách. * Không nên chấp nhận điều gì chỉ vì mình đã ức đoán như vậy. * Không nên chấp nhận điều gì chỉ vì mình suy diễn như vậy. * Không nên chấp nhận điều gì chỉ vì bề ngoài nó xem hình như vậy. * Không nên chấp nhận điều gì chỉ vì điều ấy thích ứng với thành kiến mình. * Không nên chấp nhận điều gì chỉ vì điều ấy hình như có thể chấp nhận được (tỷ như nghĩ rằng điều này phải được chấp nhận). * Không nên chấp nhận điều gì chỉ vì nghĩ rằng vị tu sĩ thốt ra điều ấy đã được tôn kính từ trước (và như vậy lời nói phải được chấp nhận).

"Tuy nhiên, khi tự các con hiểu biết rõ ràng rằng, 'những điều này không hợp luân lý, những điều này đáng bị khiển trách, những điều này đã bị các bậc thiện trí thức cấm đoán, nếu làm những điều ấy ắt sẽ bị phá sản và phiền muộn' thì hẳn các con phải từ bỏ, không làm điều ấy".

"Khi tự các con hiểu biết rõ ràng rằng, 'những điều này hợp với luân lý, những điều này không bị khiển trách, những điều này được các bậc thiện trí thức tán dương, nếu làm những điều này ắt sẽ được hạnh phúc an vui', thì hẳn các con phải hành động đúng như vậy..."

Người Phật tử không sùng kính và tôn thờ Đức Phật như một Thần Linh toàn quyền thưởng phạt những chúng sanh mà mình đã tạo ra. Họ cũng không xem Ngài là hiện thân của một Thần Linh, mà nhận thức rõ ràng rằng Ngài chỉ là một người.

Ngài được sinh ra rồi trưởng thành như một người và từ giã cuộc đời như tất cả mọi người. Là người, nhưng Ngài là một người phi thường, một bậc siêu nhân. Mặc dù bên ngoài là một người nhưng bên trong Ngài vượt hẳn lên khỏi trạng thái người. Người ta tôn Ngài là chúng sanh Duy Nhất, nhân vật hy hữu, là Phật, bậc Chánh Đẳng Chánh Giác.

Về niềm tin của người Phật tử, cố Đại Đức Kassapa, người Tích Lan, có viết trong quyển "The Simpler Side Of The Buddhist Doctrine" một đoạn xin trích dịch như sau:

"Đức Phật là tinh hoa của nhân loại. Chúng ta là những người tình nguyện bước theo dấu chân Ngài. Trước kim Thân Phật chúng ta kính cẩn khấu đầu đảnh lễ. Đó là hình thức tôn sùng của người Phật Tử. Đó chắc chắn không phải là "Đức Tin" như đức tin mù quáng mà người đời thường hiểu, cũng không phải là đức tin không căn cứ trên suy luận, trên thực tế của đời sống. Niềm tin nơi Tam Bảo, Saddha, trái lại, là Tình Thương, là Tín Nhiệm, là sự tôn sùng thành kính phát sinh từ thâm tâm xuyên qua trí thức, khi ta hiểu biết được phần nào giá trị của đức hạnh tự chế ngự, tự kiểm soát, của lòng hy sinh cao cả, khi ta nhoáng thấy được phần nào tâm Từ tâm Bi mà Đức Phật ban rải cho tất cả chúng ta, và khi ta nhận thức được chân giá trị của phần di sản quý báu mà Đức Phật để lại cho ta, một bảo vật vô giá, Giáo Pháp của Ngài".

-----*-----

II. Ngũ Giới

Giới, sila, là quy luật. Sila, giới luật trong Phật Giáo, được xem là quy luật tu học, là những lời khuyên dạy nên thận trọng canh phòng để ngăn ngừa hiểm họa. Trì giới là nghiêm chỉnh tự khép mình vào khuôn khổ kỹ cương, là tự nguyện gói ghém cuộc sống của mình theo mẫu mực đạo đức, luân lý. Trong tinh thần Phật Giáo, giới không phải là những điều răn hay những giới cấm mà Đức Phật ban truyền và bắt buộc hàng tín đồ phải tuân hành, ai theo đúng thì được ban thưởng, còn ai không theo thì bị hành phạt. Đức Phật không bao giờ tuyên lệnh, bắt buộc hàng tín đồ phải làm điều này hay cấm cản không cho làm điều kia. Phật giáo không quan niệm có sự ban thưởng hay răn phạt mà chỉ dạy lý nghiệp báo, tức định luật nhân quả: gieo giống nào thì gặt giống nấy. Gieo cam sẽ có trái cam, gieo ớt sẽ gặt ớt. Cây cam trổ sanh trái cam ngon ngọt, không phải để thưởng công người trồng nó. Cùng thế ấy, cây ớt trổ trái ớt cay cũng không phải để phạt người trồng. Ta làm điều lành, hành động thiện ấy là

nhân tốt, sẽ đem lại cho ta hậu quả tốt. Ta làm điều ác, hành động bất thiện ấy sẽ đem lại cho ta hậu quả xấu. Cái tốt hay cái xấu, hạnh phúc hay đau khổ, đến với ta như là hậu quả đương nhiên của những hành động mà ta đã làm trong quá khứ -- xuyên qua thân, khẩu hay ý -- chớ không phải do sự thưởng hay phạt của Đức Phật hay của vị Thần Linh nào.

Kinh điển chép rằng vào canh hai trong đêm Thành Đạo, với tuệ nhãn tinh khiết và siêu phàm, Đức Phật nhận thấy chúng sanh chết từ kiếp này tái sanh vào một kiếp sống khác. Ngài chứng kiến cảnh tượng kẻ sang người hèn, kẻ đẹp người xấu, kẻ hạnh phúc người khốn khổ, tất cả đều trải qua tình trạng sanh và diệt, diệt và sanh, tùy hành vi tạo tác của mỗi người. Ngài biết rằng những người này, do hành động, lời nói và tư tưởng bất thiện, xấu xa, nguyền rủa bậc Thiện Trí Cao Thượng, không có niềm tin chân chánh mà mãi sống trong tà kiến, sau khi chết đã tái sanh vào những trạng thái bất hạnh. Ngài biết rằng những người kia, do hành động, lời nói và tư tưởng trong sạch, sau khi chết đã tái sanh vào những cảnh giới nhàn lạc, an vui hạnh phúc.

Như vậy, Đức Phật truyền dạy những gì chính tuệ nhãn Ngài đã chứng kiến. Ngài thấy rõ những tai hại của hành động bất thiện và những lợi ích của hành động thiện. Nhân quả, nghiệp báo, là định luật thiên nhiên, không phải do Đức Phật tạo ra. Dầu Đức Phật có thị hiện trên thế gian cùng không vẫn có nhân quả và nghiệp báo. Đức Phật chỉ khám phá, rọi sáng cho thế gian và khuyên chúng sanh nên sống như thế nào để điều hợp với những định luật thiên nhiên ấy. Và Ngài đặt ra những quy tắc đạo đức và luân lý để giúp chúng sanh nương theo đó mà trau giồi đạo hạnh và tiến hóa.

Người Phật tử không bị bắt buộc phải tuân hành những giới luật, xem đó là những điều "răn cấm", mà hoàn toàn tự do chọn lựa con đường của mình. Đức Thế Tôn dạy rằng chư Phật chỉ là những vị Đạo Sư đã tìm ra Con Đường, đã vẻ vang thành công trải qua Con Đường và từ bi chỉ vạch Con Đường cho thế gian mê muội, cho những ai vui lòng bước theo dấu chân các Ngài.

Có những hiểm họa dài theo Con Đường mà nếu lơ đễnh khách lữ hành chắc chắn sẽ sa chân lỡ bước và sẽ không đi được đến nơi đến chốn. Giới, sila, có tác dụng như những tấm bảng màu đỏ dựng lên bên đường, những cảnh hiệu để báo tin rằng sắp có hiểm họa mà người đi đường nên tránh. Đàng khác, giới cũng là nếp sống kỷ cương được xem như những tảng đá vững chắc cẩn trên Con Đường đưa đến thanh bình an lạc hoàn toàn, hạnh phúc tuyệt đối.

Năm Giới Căn Bản

Người đã tự nguyện trở về nương tựa nơi Tam Bảo và đặt mình dưới sự hướng dẫn của Phật, Pháp, Tăng cũng hàm ý là tự nguyện sẵn sàng khép mình vào khuôn khổ của Giới Luật. Đối với hàng tại gia cư sĩ, có năm giới căn bản là: Không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không vọng ngữ và không dùng chất say.

Kinh Pháp Cú dạy:

"Kẻ nào sát sanh, vọng ngữ, lấy của người mà không được cho, lân la vợ người và dễ duôi dùng chất say, kẻ ấy đào lỗ, tự chôn gốc rễ trên thế gian này". (Câu 246, 247)

Trong câu này, "đào lỗ tự chôn gốc rễ trên thế gian" có nghĩa là chôn sâu gốc rễ, bám chặt vào thế gian, tức không bao giờ thoát ra khỏi thế gian dẫy đầy đau khổ này.

Và câu 248 dạy rằng: "Này hỡi con người tốt! Nên biết như vầy: Tự chế phục để tránh làm ác không phải là điều dễ làm. Chớ nên để tham ái và sân hận lôi cuốn vào cảnh

khổ triền miên".

Đức Phật khuyên dạy nên cố tránh những hành động tạo nghiệp bất thiện kể trên nhằm tự rút dần, thoát dần ra khỏi vòng quanh những kiếp sinh tồn.

1) Không Sát Sanh.

Câu kinh đọc tụng để phát nguyện gìn giữ giới này là: Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự sát sanh (Panatipata veramani sikkhapadam samadiyami).

Không sát sanh là không cố ý cắt đứt, ngăn chặn, tiêu diệt hay làm cản trở sức tiến triển của năng lực đời sống, không cho nó liên tục trôi chảy. Không sát sanh cũng là không làm tổn thương sự sống của bất luận sinh vật nào, và không sai biểu, xúi giục hay quyến dụ người khác làm những điều ấy.

Đức Phật dạy: "Ai cũng run sợ trước gậy gộc. Tất cả đều quý trọng mạng sống. Hãy lấy bụng ta suy lòng người. Không nên giết, cũng không nên làm cách nào cho người khác giết". (Kinh Pháp Cú, câu 129)

Ngày nọ, khi Đức Thế Tôn vào thành Savatthi (Xá Vệ) để trì bình thì thấy một nhóm trẻ con cầm gậy xúm lại đập một con rắn nước. Ngài dừng lại hỏi:

- Này các con, các con đang làm gì đó?

- Bạch Ngài, chúng con đang đập một con rắn.

- Tại sao các con đập nó?

- Bạch Ngài, vì các con sợ nó cắn.

Đức Phật mở lời khuyên dạy: "Trong khi các con làm đau đớn con rắn, hãy nghĩ đến chính các con. Hành động hung bạo này sẽ làm tổn thương đến hạnh phúc của các con trong tương lai. Người nào muốn tìm hạnh phúc cho mình, chớ nên đánh đập kẻ khác". Và Ngài dạy:

"Kẻ nào mưu tìm hạnh phúc cho chính mình bằng cách hành hạ chúng sanh khác -- cũng ưa thích an lạc -- kẻ ấy sẽ không được hạnh phúc". (Kinh Pháp Cú, câu 131)

Theo người đời đi săn bắn, chim chóc hay thú rừng, cũng như buông câu bắt cá, đều là những món tiêu khiển nhàn lạc và thanh nhã. Nhưng nếu chúng ta bình tâm suy tư, nghĩ rằng chim, cá, hay thú rừng đều là những người bạn đồng hành với chúng ta trong đại trùng dương của đời sống, và những người bạn xấu số ấy cũng quý trọng mạng sống như chúng ta, thì dầu để bày tiệc hỷ hạ linh đình hay để tiêu khiển thì giờ mà ta đành nhẫn tâm làm đau khổ một chúng sanh thì hẳn là thiếu tâm từ, tâm bi!

Vả lại hạnh động kém từ ái và bi mẫn này sẽ đem lại cho ta những hậu quả vô cùng tai hại, trong nhiều ngày vị lai. Ngày nọ có chàng thanh niên tên Subha, thắc mắc trước những trạng huống dị đồng giữa loài người, muốn tìm chân lý, bạch hỏi Đức Phật:

"Bạch Đức Thế Tôn, vì lý do nào và do nguyên nhân nào mà trong đời có người yểu và có người thọ, người thì mạnh khỏe cường tráng còn kẻ lại đau ốm bệnh hoạn ...?"

Đức Phật vắn tắt giải đáp:

"Tất cả chúng sanh đều mang theo cái nghiệp (kamma) của chính mình như một di sản, như vật di truyền, như người chí thân, như chỗ nương tựa. Chính vì cái nghiệp riêng -- biệt nghiệp -- của mỗi người mỗi khác nên hoàn cảnh của mỗi người mỗi khác và do đó, có cảnh dị đồng giữa chúng sanh".

Rồi Ngài giải thích cho Subha từng trường hợp:

"Nếu có người kia suốt đời chỉ biết sát sanh, người thợ săn chẳng hạn, bàn tay luôn luôn đẫm máu, hằng ngày sống trong sự giết chóc và gây thương tích không chút xót thương. Do tính hiếu sát ấy, nếu tái sanh vào cảnh người, người ấy sẽ là người "yểu".

"Nếu người kia luôn luôn thận trọng, không hề xúc phạm đến mạng sống của ai, sống xa gươm đao giáo mác và các loại vũ khí, lấy lòng từ ái đối xử với tất cả chúng sanh. Do tâm từ ái, tự chế không sát sanh ấy, nếu tái sanh vào cảnh người, người ấy sẽ "thọ".

"Nếu người kia độc ác, luôn luôn tìm cách hại người, luôn luôn dùng đấm đá và gươm đao đối xử với mọi người. Do nết hung hãn dữ dằn ấy nếu tái sanh vào cảnh người, người ấy sẽ ươn yếu bệnh hoạn".

"Nếu người kia không làm tổn thương ai khác. Do đức tính hiền lương nhu hòa ấy nếu tái sanh làm người, người ấy sẽ cường tráng khỏe mạnh ..." (Majjhima Nikaya, Trung A Hàm, bài số 153)

Có năm chi để tạo nghiệp sát sanh là:

1. Có một chúng sanh,
2. Biết rằng đó là một chúng sanh,
3. Sanh tâm muốn giết,
4. Cố gắng để giết, và
5. Hành động giết chết.

Nghiệp dữ do hành động sát sanh nặng hay nhẹ tùy sự quan trọng của chúng sanh bị giết như lành hay dữ, lớn hay nhỏ, v.v... Giết một bậc vĩ nhân hiền đức ắt tạo nghiệp nặng hơn là giết một tên sát nhân hung dữ. Làm chết một con thú to lớn tạo nghiệp nặng hơn là giết một con thú bé nhỏ, vì sự đắn đo toan tính và sự cố gắng để thực hiện hành động sát sanh cũng như tai họa gây ra do hành động sát sanh là quan trọng hơn.

Kinh Pháp Cú, câu 137-140, dạy như sau:

"Kẻ dùng gậy gộc gây tổn hại cho người vô hại và không gậy gộc (những vị hiền lương vô tội, như một vị Thánh Nhân chẳng hạn, và vị này không có khí giới), kẻ ấy sớm phải chịu những cảnh sau đây:

"Đau đớn nhức nhối vô cùng, tai biến khốc liệt, mình mẩy bị thương tích hay lâm trọng bệnh, hay loạn tâm mất trí, hay bị hiếp đáp, bị đàn áp, hay bị kết trọng tội, hay ly tán thân quyến, hay bị tiêu diệt tài sản, hay bị lửa thiêu nhà cửa -- và khi cơ thể này hoại diệt con người thiển trí như thế sẽ tái sanh vào khổ cảnh".

Một khi nhân đã gieo rồi thì quả đương nhiên ắt sẽ trổ, sớm hay chầy, nơi này hay nơi khác. Theo đúng giáo huấn của Đức Bổn Sư, không thể van lơn cầu cạnh, hối lộ hoặc gian lận bằng cách nào mà ta có thể biến đổi định luật nhân quả, cũng không thể lẫn trốn nơi nào, dầu trên trời lồng lộng mênh mông, giữa đại dương sâu thẳm hoặc ở thâm sơn cùng cốc mà ta có thể tránh khỏi hậu quả của nghiệp bất thiện đã tạo. Không có vị Trời nào, chí đến Đức Phật đi nữa, có thể can thiệp vào và đổi thay sự báo ứng của nghiệp.

Vào thủa nọ Đức Tôn Sư ngự tại Kỳ Viên Tịnh Xá. Có một nhóm tỳ khưu, trên đường về hầu Ngài, ghé vào làng nọ để trì bình. Dân chúng trong làng hoan hỷ nghênh đón, rước bát, dọn chỗ ngồi và thỉnh các Sư vào lưu ngụ trong nhà khách. Họ dọn cháo thỉnh các Ngài điểm tâm và trong khi chờ đợi nấu nướng cho thời ngọ, họ ngồi lại để nghe chư Sư thuyết giảng Giáo Pháp. Vào lúc ấy ở dưới nhà khói có một ngọn lửa từ trong bếp thò lên, táp nhằm mái tranh và từ đó nóc nhà phát cháy. Một mớ tranh đang cháy bị gió thổi cuốn lên trên không. Ngay vào lúc ấy có một con quạ bay ngang, đâm cổ vào cuộn tranh cháy ấy và bị lửa thiêu sống, rơi xuống giữa làng. Câu chuyện xảy diễn trước mắt các nhà Sư. Các Ngài nói, "Sự việc xảy ra quả thật là khủng khiếp, này chư Huynh, chúng ta vừa chứng kiến cái chết hãi hùng đến độ bất ngờ của con quạ. Không biết trong tiền kiếp nó đã làm gì mà ngày nay phải chịu một cái chết quá thê thảm dường ấy. Ngoài Đức Thế Tôn còn có ai có thể biết được? Để chúng ta bạch hỏi Ngài xem con quạ đã làm gì trong tiền kiếp?

Bàn thảo với nhau như vậy rồi các vị tỳ khưu lên đường về hầu Phật và bạch hỏi.

Đức Phật phán dạy: "Này chư Tỳ Khưu, con quạ này phải hứng chịu đau khổ y như nỗi khổ mà nó đã gây ra cho kẻ khác. Vào một thời xa xưa kia quạ này đã là một nhà nông ở thành Benares (Ba La Nại). Ngày nọ anh nông dân lùa bò vào chuồng. Nhưng con bò của anh lỳ lợm không chịu vào, mặc dầu anh hết sức cố gắng lùa nó đi. Bò chỉ đi vài bước rồi nằm xuống. Anh dùng roi đánh. Nó đứng lên, đi xa thêm chút nữa rồi nằm lỳ trở lại. Anh cố gắng hết sức, nhưng rốt cuộc vẫn thất bại hoàn toàn. Giận dữ, anh bảo con bò, "Được rồi, muốn vậy cho mầy vậy. Tốt lắm. Kể từ giờ phút này cho mầy nằm luôn đây cho mầy vừa lòng". Nói xong anh hốt rơm trải phủ lên con bò thật nhiều trông như một cây rơm, và châm lửa đốt. Trong giây lát con bò bị thiêu sống và chết ngay tại chỗ.

"Này hỡi các Tỳ Khưu, đó là hành vi độc ác của chính con quạ này trong quá khứ. Khi nhân bất thiện đã hội đủ duyên kỳ thì quả dữ trổ sanh. Vì lẽ ấy nó phải chịu biết bao đau đớn trong khổ cảnh một thời gian lâu dài và, vì chưa dứt nghiệp, về sau nó lại còn phải bị thiêu đốt nhiều lần trong nhiều kiếp sống".

2) Không Trộm Cắp là giới thứ nhì.

Câu kinh đọc tụng để phát nguyện gìn giữ giới này là: Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự trộm cắp (Adinadana veramani sikkhapadam samadiyami).

Không trộm cắp là không cố ý lấy, hoặc nhờ người khác lấy, vật có chủ mà không được cho đến mình.

Năm chi của nghiệp trộm cắp là:

1. Một vật sở hữu của người khác,
2. Biết như vậy,
3. Sanh tâm muốn đoạt vật ấy làm sở hữu của mình,
4. Cố gắng trộm cho được và
5. Hành động trộm.

Quả đương nhiên của nghiệp trộm cắp là nghèo nàn, khốn khổ, thất vọng và làm thân nô lệ. Nghiệp nặng hay nhẹ tùy nơi:

- Giá trị món đồ mình muốn trộm, - Nhu cầu của người mà mình muốn trộm.

Điểm này có nghĩa là nghiệp được tạo nặng hay nhẹ tùy sự tai hại và niềm đau khổ mà mình gây nên cho người bị mất cắp. Cướp một bát cơm của người nghèo đang đói hẳn là gây đau khổ cho người ấy nhiều hơn là lấy, cũng một chén cơm y như vậy, của người giàu có, dư ăn và đang no.

Loại tâm nằm phía sau hành động trộm cắp, tức ý muốn nào thúc giục, đưa đến hành động phạm giới. Thông thường người ta ăn cắp vì tâm tham, nhưng cũng có thể trộm đạo vì sân hận, muốn gây đau khổ cho người, và trong mọi trường hợp người ta trộm cắp vì si mê.

Đức Phật dạy: "Người giữ giới trong sạch cố tránh -- dầu ở giữa rừng hay trong xóm làng -- không lấy vật gì của người khác mà không được cho đến mình. Những gì thuộc quyền sở hữu của ai khác, người ấy không nên lấy với dụng ý đem về làm của riêng..."

"Lấy vật không được cho đến mình" ở đây có thể bao gồm nhiều hình thức như:

- Trộm cắp, lén lút lấy của người như móc túi, khoét vách đào ngạch vào nhà lấy trộm v.v...

- Cướp, công khai lấy của người bằng võ lực hoặc bằng cách hăm dọa.

- Giựt, lẹ làng giựt lấy một món đồ rồi bỏ chạy, làm cho người ta không kịp trở tay giữ lại.

- Gian lận, giả dối, tráo trở giành quyền sở hữu của một người khác.

- Lường gạt, như buôn bán, của ít nói nhiều, giá thấp nói cao, hay đo lường cân thiếu, của hư xấu nói tốt v.v...

Tất cả những hình thức trên đều phạm nhằm giới trộm cắp.

3) Không Tà Dâm là giới thứ ba.

Câu kinh đọc tụng để phát nguyện gìn giữ giới này là: Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự tà dâm (Kamesu micchacara veramani sikkhapadam samadiyami)

Không tà dâm là gìn giữ đời sống gia đình cho được trong sạch, không lang chạ phóng túng.

Có bốn chi để tạo nên giới tà dâm là:

1. Sanh tâm muốn thỏa mãn dục tính,
2. Cố gắng để thành tựu ý muốn,
3. Tìm phương tiện để đạt mục tiêu, và
4. Hành động thỏa mãn dục tính.

Quả đương nhiên của nghiệp tà dâm là có nhiều kẻ thù, cuộc sống giữa vợ và chồng không đầm ấm an vui, tái sanh không tốt.

Đức Phật dạy:"Người giới đức trong sạch cố tránh tà hạnh và cố gắng tự chế. Người ấy không lăng loàn lang chạ với người còn sống dưới sự bảo bọc của cha, mẹ, anh, chị hay họ hàng, với người có chồng, với người đã hứa hôn, hoặc với người mà xã hội không cho phép" (Anguttara Nikaya, Tăng Nhứt A Hàm, X, 176)

Về phương diện luân lý, giới này nhằm bảo vệ hạnh phúc gia đình, không để cho người ngoài xâm phạm vào tình trạng thanh bình an lạc trong nhà, tạo sự tín cẩn lẫn nhau và siết chặt tình nghĩa giữa vợ và chồng. Về mặt đạo đức, giới này giúp làm giảm thiểu năng lực có chiều hướng tự nhiên lan rộng của dục vọng. Đàng khác, người quyết tâm nghiêm túc giữ giới này cũng tăng trưởng nơi mình đức hạnh từ khước và tự chế của nếp sống thanh cao.

Lẽ dĩ nhiên, đời sống độc thân của các vị tu sĩ chân chánh là hình thức trong sạch, đáng được quý trọng nhất, vì các Ngài có thể tận dụng tất cả năng lực của mình để phục vụ kẻ khác. Tuy nhiên, Đức Phật là vị giáo chủ thực tế. Ngài không bao giờ trông chờ hàng tín đồ tại gia cư sĩ sống cuộc sống của các bậc xuất gia. Hiểu biết bản năng và những kích thích của đời sống, khát vọng và những thúc giục của con người, Đức Bổn Sư không ép buộc người Phật Tử cư sĩ sống tuyệt đối độc thân như các vị tỳ khưu. Nhưng Ngài khuyên chúng ta nên thận trọng, đừng để sai lầm làm nô lệ cho thể xác và do đó, làm giảm suy phẩm giá con người.

4) Không Vọng Ngữ là giới thứ tư.

Câu kinh đọc tụng để phát nguyện gìn giữ giới này là: Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự vọng ngữ (Masavada veramani sikkhapadam samadiyami).

Không vọng ngữ là không nói lời sai quấy, không tạo khẩu nghiệp bất thiện, tức luôn luôn có lời nói chân chánh và đồng thời cũng trau giồi thiện khẩu nghiệp.

Chúng ta có khuynh hướng xem nhẹ khẩu nghiệp vì hậu quả của lời nói thường không biểu hiện tức khắc và hiển nhiên như thân nghiệp. Nhưng nếu chịu khó bình tâm suy tư ắt chúng ta nhận thức rằng lời nói có tầm quan trọng và khả năng tạo hậu quả vô cùng to tát -- trong việc thiện cũng như trong chiều hướng bất thiện. Lời nói có thể kích thích, khơi dậy căm thù tiêu diệt đời sống, gây chiến tranh

mà cũng có khả năng mở mang trí tuệ, hàn gắn chia rẽ và đem lại thanh bình an lạc. Từ ngàn xưa lời nói vẫn được xem như lưỡi dao bén cả hai bề mà người xử dụng cần phải hết sức thận trọng. Ngày nay, với tiến bộ của những phương tiện truyền thông, hậu

quả của lời nói, tốt cũng như xấu, trổ sanh càng nhanh chóng và sâu xa không thể lường.

Lời nói quả thật là một khả năng của con người có gía trị vô cùng trọng đại. Nếu con người có thể kiểm soát được cái lưỡi không xương của mình thì nhân loại chẳng những tránh được bao nhiêu phiền phức rối ren và đau khổ mà đời sống trên thế gian này cũng được tốt đẹp, thoải mái dễ chịu, đáng được sống hơn bao nhiêu!

Lời nói chân chánh không đượm nhuần những tư tưởng bất thiện như tham lam, sân hận, ganh tỵ, ngã mạn v.v... Bốn loại khẩu nghiệp bất thiện là nói dối, nói đâm thọc, nói thô lỗ cộc cằn và nói nhảm nhí. Như vậy, không vọng ngữ là:

a. không nói dối, b. không nói đâm thọc, c. không nói thô lỗ cộc cằn và d. không nói nhảm nhí.

a. Không nói giả dối, tức chuyện có nói không, chuyện không nói có, mà luôn luôn nói lời chân thật, là pháp tu học đầu tiên trong giới vọng ngữ. Về điểm này Đức Bổn Sư dạy:

"Người nghiêm túc trì giới này cố tránh và kiêng cữ, không nói lời giả dối. Người ấy nói lời chân thật, tận tâm sống chân thật, chắc chắn, đáng được tin cẩn, không làm cho người khác hiểu sai sự thật. Giữa buổi họp hay giữa đám đông, trong giới thân bằng quyến thuộc hay ngoài xã hội, hoặc trước triều đình khi được gọi làm nhân chứng cho một việc gì, người ấy sẽ nói, "Tôi không biết" nếu thật sự không biết, và nếu biết, người ấy nói, "Tôi biết". Người ấy nói, "Tôi không thấy gì" nếu thực sự không thấy, và nói, "Tôi có thấy" nếu thật sự có thấy. Như vậy, người ấy không bao giờ nói dối vì lợi ích cho mình, vì lợi ích cho một người thân, hoặc vì bất cứ lợi ích nào". (Anguttara Nikaya, Tăng Nhứt A Hàm, X, 176)

Lời tuyên ngôn trên của Đức Phật rõ ràng bao gồm cả hai sắc thái của giới không nói dối. Sắc thái tiêu cực là "không nói giả dối" và sắc thái tích cực là "nói lời chân thật".

Có bốn chi để tạo nghiệp nói dối là:

1. Có sự giả dối, không chân thật,
2. Sanh tâm muốn cho người khác hiểu sai sự thật,
3. Cố tình tạo sự hiểu biết sai lạc cho người khác và
4. Thốt ra lời giả dối.

Quả đương nhiên của nghiệp nói dối là bị mắng chưởi nhục mạ, tánh tình đê tiện, không ai tín nhiệm và miệng hôi thối.

Tư tưởng bất thiện nằm phía sau lời nói giả dối, hay tâm sở nằm trong ý định làm cho người khác hiểu sai sự thật, có thể khác nhau. Thí dụ như nói dối để được lợi ích vật chất như tài sản, địa vị, quyền thế, danh vọng v.v... cho mình hay cho người thân mình, là do tâm tham làm động cơ thúc đẩy. Nói dối vì cố tình hại người là do tâm sân v.v...

Nói lời giả dối có hại cho người mà cũng hại cho chính mình. Xã hội chỉ có thể tồn tại êm thắm tốt đẹp trong sự tín cẩn lẫn nhau khi mà người này có lý do để tín nhiệm người khác. Nếu chỉ có ngờ vực, hoài nghi, không ai tin ai, giữa người và người chỉ có

giả dối lường gạt lẫn nhau, xã hội ấy ắt phải sa vào vực thẳm của rối loạn. Tật nói dối còn có ảnh hưởng đến tâm tánh tự nhiên của mình. Khi đã nói dối một lần, ta bị bắt buộc phải nói dối nữa để che đậy cái dối trước và như thế, tình trạng này gài chặt

người nói dối vào một loại cạm bẫy rất chằng chịt, không có lối thoát. Lắm lúc, đến mức độ nào, chính người nói dối cũng không còn biết chắc đâu là sự thật.

Khi được thực hành đến mức cùng tột, hạnh chân thật trở thành một Ba La Mật (Sacca Paramitta, Ba La Mật Chân Thật) tức là một trong mười pháp có khả năng đưa người thực hành thuần thục từ bờ mê đến bến giác. Một vị Bồ Tát -- tức người đã phát nguyện sẽ trở thành Phật -- luôn luôn thành thật, trong sạch và có lối sống chánh trực. Phương châm của chư vị Bồ Tát là, "Nói sao làm vậy, làm sao nói vậy". Chân thật là kim chỉ nam của Bồ Tát. Ngài tự xem có bổn phận phải luôn luôn giữ lời. Trước khi hứa với ai điều gì Ngài thận trọng trong suy nghĩ. Khi đã thốt ra lời rồi thì Ngài quyết định giữ cho tròn lời hứa, dù phải hy sinh mạng sống cũng ưng chịu. Không giả dối, không chút sai ngoa giữa thân, tâm, và lời nói. Đời tư như thế nào đời công như thế ấy, Bồ Tát không dùng lời nịnh bợ để mua lòng người khác, không hăng hái nhất thời để được thế gian ca tụng, không khoe khoang điều tốt cũng không che đậy những điểm xấu của mình. Ngài khen tặng những ai đáng khen, chê trách những người đáng chê, và làm vậy không vì lý do nào khác hơn là vì lòng từ bi.

Túc Sanh Truyện Hiri Jataka (số 363) có ghi lại lời khuyên của Bồ Tát:

"Phải thực hiện cho kỳ được những điều đã hứa. Phải biết khước từ, không hứa những điều không làm được. Bậc Thiện Trí không muốn thân cận với những người nói dối".

Túc Sanh Truyện Maha Sutasoma Jataka (số 537) cũng có ghi lại chuyện tích một vị Bồ Tát hy sinh mạng sống để giữ lời hứa:

"Giống như sao mai mà ta thấy buổi sáng trên trời. Ngày nào như ngày ấy, lặng lẽ xuất hiện nơi vị trí của nó, không sai chạy. Năm tháng trôi qua, sao mai vẫn y hẹn. Lời nói của bậc Thiện Trí Thức cũng phải đúng như vậy. Không khi nào lệch sai sự thật, không hề sai hẹn".

Sở dĩ chư vị Bồ Tát rất quan tâm đến hạnh chân thật như vậy là vì ảnh hưởng của sự giả dối rất rộng rãi và thâm sâu. Giả dối là một trở ngại quan trọng trên đường giác ngộ. Vì sao? -- Giác ngộ là thấu triệt sự thật, là thấy rõ thực tướng của sự vật. Còn nói dối là nói sai sự thật, cố tình làm cho người khác hiểu sai sự thật. Giác ngộ hay Chứng Ngộ Chân Lý, là trọn vẹn tự hòa đồng với sự thật -- cả tinh thần lẫn thể xác -- trọn vẹn tự hòa đồng với những gì thật sự là vậy. Trong lúc ấy, người giả dối nghĩ một đàng nói hay làm một nẻo, nhận cái giả làm sự thật. Con đường giả dối hẳn đi ngược chiều với giác ngộ. Như vậy, người cố tránh, cố kiêng cữ lời nói giả dối đã vượt qua khỏi phạm vi luân lý của đời sống xã hội. Người Phật Tử sống trong xã hội. Trong phạm vi luân lý của người đời, để cho sự giao dịch giữa người và người trôi chảy suông sẻ lắm khi có những lời nói mà người nói không bao giờ nghĩ đến. Vấn đề ở đây là trọn vẹn tự hòa đồng với chân lý.

Bồ Tát không bao giờ nói dối, nhưng cũng không nói tất cả sự thật. Sự thật nào không đem lại lợi ích và hạnh phúc cho kẻ khác thì Ngài không nói ra. Trái lại, sự thật nào có lợi cho người khác, dầu có bị thiệt hại đi nữa Ngài cũng nói.

b. Không nói đâm thọc, pháp tu học thứ nhì của giới vọng ngữ, là không đi đầu này bày điều nói xấu đầu kia, rồi trở lại đầu kia đặt chuyện dèm pha đầu này nhằm tạo thù hằn, hờn giận hay chia rẽ.

Danh từ "pisunavacca", được Đức Phật dùng ở đây, có nghĩa là lời nói có tác dụng bẻ gãy tình bằng hữu. Thành ngữ trong dân gian ta thường nói là "đâm bị thóc, chọc bị gạo". Đức Phật dạy:

"Người nghiêm túc trì giới này cố tránh và kiêng cữ, không dùng những lời lẽ có tính cách đâm thọc. Điều gì nghe ở đây, người ấy không lặp lại nơi khác nhằm tạo chia rẽ. Điều gì nghe nói ở nơi khác, người ấy không lặp lại ở đây nhằm tạo chia rẽ. Như vậy, người ấy đoàn kết những ai chia rẽ và khuyến khích những ai đoàn kết. Không khí thuận hòa là niềm vui của người ấy. Người ấy hoan hỷ, thỏa thích và phấn khởi trong tình trạng hòa hợp và, bằng lời nói, cố gắng gieo trồng mầm mống thuận hòa". (Anguttara Nikaya, Tăng Nhứt A Hàm, X, 176)

Có bốn chi để tạo nghiệp nói đâm thọc là:

1. Những người sẽ là nạn nhân của sự chia rẽ,
2. Sanh tâm muốn phân ly những người ấy, hay muốn lấy lòng một người,
3. Cố gắng tìm phương cách để phân ly và,
4. Thốt ra lời nói phân ly.

Động cơ thúc đẩy đến hành động này thường là tâm bất mãn, sân hận hay ganh tỵ. Thấy ai thành công hay thấy người có giới đức được tôn trọng thì sanh tâm muốn hạ uy tín hay làm suy giảm giá trị. Đôi khi vì muốn ám hại hay muốn lấy lòng một người, cũng có khi chỉ vì thỏa thích muốn thấy người ta giận dỗi, cấu xé lẫn nhau.

Đứng về phương diện nghiệp báo, quả của lời nói đâm thọc rất là tai hại. Tâm sân, làm nguyên nhân và tạo duyên cho lời nói đâm thọc, đã là một căn bất thiện rồi, người có ác ý, cố tình gây chia rẽ thường nghiền ngẫm suy tư, tìm lời lẽ để châm chích cho đúng lúc, đúng tâm lý v.v... càng ấp ủ lâu ngày trong lòng nghiệp ác càng nặng. Nếu cố tâm bày điều giả dối để thêm bớt thì lại còn tạo thêm khẩu nghiệp giả dối. Cả hai -- nói đâm thọc và nói dối -- phối hợp lại tạo thành khẩu nghiệp bất thiện vô cùng tai hại. Người nói đâm thọc tựa hồ như loài muỗi, hút nọc độc ở đầu này rồi đến ve vãn đầu khác, hút một ít máu và, trong lúc ấy, không quên để lại một phần nọc độc của mình. Miệng nói ngọt ngào như mật, nhưng tâm thì đượm nhuần chất độc.

Lời chân chính không tạo phiền phức cho ai mà chỉ đem lại hòa bình và an tĩnh. Thay vì gieo rắc mầm mống chia rẽ phân ly, người ấy luôn luôn tạo hòa khí giữa những người bất đồng ý kiến, xây dựng tình bằng hữu giữa những người thù nghịch. Trong xa hội loài người, chúng ta không thể sống riêng rẽ một mình và không tùy thuộc lẫn nhau. Vậy, trong sự lợi ích kế cận nhất của mỗi người chúng ta hãy cố gắng tập sống

chung với nhau trong bầu không khí thuận hòa, trong tình huynh đệ và trong sự điều hòa.

c. Không nói lời thô lỗ cộc cằn, mà chỉ ăn nói thanh tao nhã nhặn là pháp tu học thứ ba của giới vọng ngữ. Pháp học này được Đức Thế Tôn dạy như sau:

"Người nghiêm túc trì giới này cố tránh và kiêng cữ, không nói những lời thô lỗ cộc cằn. Người ấy chỉ thốt ra những lời dịu hiền, thanh nhã, dễ mến, những lời thành thật và lễ độ, thân hữu và làm vui lòng nhiều người". (Anguttara Nikaya, Tăng Nhứt A Hàm, X, 176)

Có ba chi để tạo nghiệp ăn nói thô lỗ là:

1. Có một đối tượng, như một người khác, 2. Có tư tưởng cộc cằn, thô lỗ hay sân hận phát sanh, 3. Thốt ra lời thô lỗ.

Quả của nghiệp này là không làm gì ai mà cũng bị ghét.

Lời thô lỗ biểu lộ tâm hung tợn và được thốt ra trong sự nóng giận. Tánh cách thô bạo của lời nói này có biểu hiện dưới nhiều hình thức như la rầy, mắng nhiếc, chưởi rủa, chưởi thề hay nói xiêng xỏ v.v...tất cả đều phát sanh từ tâm bất mãn, sân hận và nhằm gây phiền muộn khổ đau cho người khác. Những cơn nóng giận thường bộc phát đột ngột, không có sự nghiền ngẫm suy tính, nên hậu quả không đến nổi trầm trọng lắm. Mặc dầu vậy, vì nó có khuynh hướng tái diễn, nếu chúng ta lơ đễnh để cho nó lặp đi lặp lại nhiều lần ắt thành thói quen và từ đó, trở thành tâm tánh sân hận và hung bạo thì rõ ràng là một hiểm họa.

Lời nói thô bạo biểu lộ sự nóng giận. Nóng giận lúc nào cũng là một tai hại, cho người nghe cũng như cho người nói, trong hiện tại cũng như trong tương lai.

Vào thời Đức Phật có vài vị tỳ khưu thường nặng lời lăng mạ một vị khác và vị này trả lời lại. Đức Thế Tôn khuyên:

"Không nên dùng lời thô lỗ cộc cằn. Người bị nói cộc sẽ trả lời thô. Tiếng nói gây thù trả oán thật là đau đớn. Lời qua tiếng lại sẽ làm tổn hại như gây thương tích". (Kinh Pháp Cú, câu 133)

Tự kiềm chế, cố tránh và kiêng cữ những lời thô bạo trong cơn nóng giận là trau dồi hạnh nhẫn nhục. Đó là chịu đựng những lời khiển trách khắc khe và khoan hồng bỏ qua những lỗi lầm sai quấy của kẻ khác, tôn trọng những quan điểm dị đồng và cảm thông những thiếu sót của người. Tự kiểm soát thân tâm là cái chìa khóa để mở cửa đưa vào tình trạng an lành hạnh phúc. Để cho những cảm xúc vô độ lượng, vô trật tự và đượm nhuần sân hận điều khiển mình là tự đặt mình vào trong trạng thái nô lệ tệ hại nhất.

Túc Sanh Truyện số 269 có thuật tích chuyện Bồ Tát, tiền thân của Đức Phật Thích Ca, trong kiếp sống ấy là vua xứ Benares (Ba La Nại). Đức Hoàng Thái Hậu mẹ Ngài là người hiền lương nhưng đôi khi ăn nói cộc cằn. Hôm nọ, Vua cùng Hoàng Thái Hậu và đoàn tùy tùng dạo chơi trong ngự uyển. Bên đàng có con chim ác là, màu sắc xanh tươi

lộng lẫy. Nhưng mỗi khi cất tiếng lên thì giọng kêu chát chúa, ai nấy bịt tai, ngoảnh mặt than phiền. Một lúc sau, đến nơi khác, có con chim chích chòe, lông đen xấu xí mà tiếng hát lảnh lót thanh tao dịu ngọt, ai cũng thích thú lắng nghe, ai cũng trông chờ nó hát thêm để thưởng thức. Nhân cơ hội đó Vua mở lời khuyên mẹ:

"Kính Mẫu Hậu thân mến, tiếng kêu của con chim ác là thật là chát chúa khó chịu, ai cũng muốn xa lánh. Thật không ai thích nghe lời thô lỗ. Chim chích chòe trái lại, mặc dù đen đúa xấu xa nhưng đã thu hút mọi người bằng giọng hát thanh nhã dịu hiền. Như vậy, lời nói của ta phải là cẩn ngôn, êm dịu, hiền lành, đầy ý nghĩa v.v..."

Do lời nhắc nhở của người con sáng suốt, kể từ đó về sau Hoàng Thái Hậu gìn giữ lời ăn tiếng nói và trở nên thanh nhã dịu hiền.

d. Không nói nhảm nhí, pháp tu học thứ tư của giới vọng ngữ, là không nói lời vô ích mà chỉ nói những lời đem lợi ích đến người. Pháp học này được Đức Phật dạy như sau:

"Người nghiêm túc trì giới này cố tránh và kiêng cữ, không nói lời nhảm nhí vô ích. Người ấy nói đúng lúc, đúng như sự việc xảy ra, nói những lời hữu ích, nói về Giáo Pháp và Giới Luật. Lời nói của người ấy là một kho tàng, thốt ra đúng lúc, hữu lý, hòa nhã và đầy ý nghĩa". (Anguttara Nikaya, Tăng Nhứt A Hàm, X, 176)

Có hai chi để tạo nghiệp nói nhảm nhí là:

1. Sanh tâm muốn nói lời nhảm nhí vô ích và 2. Thốt ra lời.

Quả báo của nghiệp nói nhảm nhí là thân thể không nở nang đều, như có một bộ nào trong cơ thể yếu kém, lời nói không rõ ràng minh bạch làm cho người nghe không tin.

Lời nói nhảm ắt không có ý nghĩa, nông cạn và không đem đến lợi ích nào. Những lời lẽ như thế ấy chỉ khơi động vọng tâm. Đức Phật khuyên nên hạn chế những ngôn từ thuộc loại này. Đối với hàng xuất gia, lời nói phải thật là cẩn ngôn, phải được chọn lọc và chỉ nói những điều gì thích hợp với Giáo Pháp. Ngài dạy:

"Này chư Tỳ Khưu, khi các con tụ họp đông đảo thì chỉ có hai việc nên làm: hoặc thảo luận về Giáo Pháp, hoặc im lặng cao thượng". (Majjahima Nikaya, Trung A Hàm, 26)

Thảo luận về Giáo Pháp là đề cập đến Con Đường dẫn đến chứng ngộ Chân Lý cùng tột, Niết Bàn, và do đó, quả thật là hữu ích.

Đàng khác, trầm lặng là một hình thức nhàn lạc của kiếp sinh tồn. Khi ẩn rút vào trạng thái im lặng ta hoàn toàn đơn độc để nhìn vào bên trong ta, để tận tường thấy rõ chúng ta như thật sự chúng ta là vậy. Chừng đó chúng ta có thể học được phương cách vượt qua những khuyết điểm và những giới hạn của cuộc sống bình thường. Hàng cư sĩ tại gia, vì nhu cầu xã hội, còn cần phải nói năng lịch thiệp trong câu chuyện hằng ngày. Mặc dầu vậy, Đức Phật dạy không nên lơ đễnh đi quá xa, vì người chú nguyện đi trên con đường giải thoát phải hết sức thận trọng phân biệt điều nào sẽ dẫn đi đâu và phải luôn luôn canh phòng "anh chàng giả dối" sâu ẩn lẫn trốn bên trong chúng ta một cách rất là kín đáo.

Người tinh nghiêm trì giới vọng ngữ không nói lời nhảm nhí vô ích. Vào thời Đức Phật có tên sát nhân khát máu nọ gia nhập vào đảng cướp, gây nhiều tội ác và về sau trở thành đao phủ thủ của triều đình. Nhờ Đức Sariputta (Xá Lợi Phất) cảm hóa, tánh tình anh đổi hẳn từ hung tàn bạo ngược trở nên hiền lành lương thiện và sau khi chết, tái sanh vào cõi Trời nhàn lạc. Đức Phật giải thích rằng sở dĩ anh được tái sanh tốt đẹp là nhờ lời khuyên dạy hữu hiệu, đúng lúc, đượm nhuần từ bi và trí tuệ của bậc đạo đức cao thượng, và Ngài dạy:

"Chỉ một lời nói hữu ích, làm cho người nghe an lạc và trở nên trong sạch, còn quý hơn cả ngàn tiếng nói vô ích". (Kinh Pháp Cú, câu 100)

Không phải nói nhiều mà chứng tỏ rằng mình học rộng biết nhiều. Cũng không phải nói nhiều mà mình tạo lợi ích cho mình hay cho ai khác. Kinh sách Tây Tạng có lời dạy rằng nói nhiều lắm khi đưa đến hậu quả tai hại, như trường hợp chim két, vì ham nói mà phải chịu cảnh chim lồng.

5) Không Dùng Chất Say là giới thứ năm.

Câu kinh đọc tụng để phát nguyện gìn giữ giới này là: Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự dễ duôi uống rượu và các chất say (Sura-meraya-majjapama-datthana veramani sikkhapadam samadiyami).

Không dùng chất say là không uống rượu mạnh và không dùng bất luận chất say nào có thể làm cho trí não lu mờ, mất sáng suốt. Mặc dầu uống chút rượu không phải là một tệ hại trọng đại, nhưng trong phần lớn các trường hợp, người uống rượu không biết đến lúc nào phải ngừng, và khi đã quá chén rồi thì mất lý trí, dễ bị cảm kích, không còn kiểm soát được lời nói và hành động của mình nữa. Từ đó, người quá chén có thể phạm bất cứ giới nào mà trước kia, lúc bình thường, mình cố gắng gìn giữ. Một câu chuyện thuật rằng:

Một chàng kia, sau khi ăn học thành tài, từ phương xa trở về quê nhà. Đi ngang qua một thành phố nọ, anh nghe tiếng đồn rằng nơi đây có một lâu đài vô cùng đẹp đẽ, bên trong lại có nhạc kịch mê ly. Anh lần mò tìm đến và xin vào.

Ở một cửa nọ người ta bảo anh rằng muốn vào thì không khó gì, nhưng trước khi vào anh phải giết một con vật sẵn có tại đó. Anh nghĩ thầm, "Dạo chơi trong cung điện, nghe âm nhạc và xem diễn kịch thì quả thật là rất thích thú. Nhưng phải giết một sinh mạng để mua vui thì không đành". Anh từ chối, không xin vào và tìm đến cửa khác. Ở đây thì anh được cho biết rằng muốn vào cửa phải có hành động trộm cắp. Anh không chịu. Qua cửa thứ ba người ta bắt buộc anh phải làm điều tà dâm trước khi được cho vào, và nơi cửa thứ tư thì phải nói vọng ngữ. Anh từ chối luôn. Đến cửa thứ năm, nhỏ hơn bốn cửa kia, anh được cho biết rằng muốn vào thì phải uống rượu. Anh không chịu. Nhưng người gác cửa nài nỉ rằng uống chút ít rượu thì không hại gì ai mà được xem cung điện và thưởng thức nhạc kịch thì thật là thú vị, và mời anh nếm thử một giọt rượu, chỉ một giọt thôi. Anh nghĩ thầm, "Uống rượu là một hành động xấu. Nhưng nếm thử một giọt thì cũng không đến đỗi là lỗi lầm trọng đại. Ta hãy thử một chút xem sao". Anh chàng liền bằng lòng nếm thử giọt rượu. Thấy ngon miệng mà không có chút

chi hại, anh liền nhắm thêm một hớp nữa, rồi một hớp nữa. Ngon miệng, anh uống thêm rồi thêm nữa, một hồi đến quá chén. Và lúc bấy giờ thì mất bình tĩnh, không tự kềm chế được, anh hăng hái lần lượt làm những điều mà trước kia anh biết là xấu xa tội lỗi và đã can đảm cương quyết từ chối.

Anh phạm bao nhiêu lỗi lầm chỉ vì xem thường một giọt rượu.

Trên đây là năm giới, căn bản và tối thiểu, mà người Phật Tử tự nguyện nghiêm trì. Người đã giữ gìn trong sạch năm giới này là một phước lành cho những ai sống quanh mình mà cũng tạo thiện nghiệp cho chính mình. Người ấy sẽ tái sanh vào những cảnh giới nhàn lạc và thọ hưởng quả lành.

Hai Sắc Thái Của Giới

Thoáng nhìn vào người không quen với giới luật có thể lầm nghĩ rằng Giới (sila) trong Phật Giáo là hoàn toàn tiêu cực, vì được phát biểu và trình bày dưới hình thức tiêu cực: những gì nên tự chế và nên kiêng cữ, không làm, như không sát sanh, không trộm cắp, không ... không...v.v... Nhưng trong thực tế Giới cũng là nếp sống kỷ cương được xem như những tảng đá vững chắc cần trên con đường đưa đến trạng thái hoàn toàn an tĩnh, hạnh phúc tuyệt đối: những gì nên làm. Và đó là sắc thái tích cực của giới.

Khi đặt ra những giới luật, không phải Đức Phật hàm ý rằng chỉ cần tránh những hành động bất thiện là đủ, mà đó là tuần tự diễn tiến một cách hợp lý để giữ thân tâm trong sạch, đúng như câu kinh Pháp Cú số 183:

Sabbapapassa akaranam - kusalassa upasampada. Sacittapariyodapanam - etam buddhana sasanam.

"Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành. Tự tịnh kỳ ý, thị chư Phật giáo".

"Tránh những điều ác, làm các việc lành, thanh lọc tâm. Đó là giáo huấn của chư Phật".

Trong lời dạy này, phần đầu: "Tránh những điều ác", có tính cách tiêu cực. Hai phần sau: "Làm các việc thiện" và " thanh lọc tâm" là tích cực. Hai phần sau -- làm việc thiện và thanh lọc tâm -- chỉ có thể thành tựu viên mãn nếu phần đầu -- tránh làm điều ác -- được hoàn tất.

Nên ghi nhận rằng khi phân lời dạy trên làm ba giai đoạn, Đức Phật không nhắm vào thứ tự thời gian mà vì đó là điều hợp lý: không phải làm xong giai đoạn lánh xa các hành động bất thiện rồi mới bắt đầu làm các việc thiện và thanh lọc tâm.

Tâm lý học Phật Giáo dạy rằng trong khi ta cố tránh để khỏi phạm một giới nào, tác ý quan trọng của chập tư tưởng "quyết định" dĩ nhiên là tự kiềm chế, tự hạn định, kiêng cữ, không làm việc ấy -- sắc thái tiêu cực. Nhưng chung quanh chập tư tưởng ấy còn có bao nhiêu chập tư tưởng khác thật sự tích cực. Thí dụ như khi ta cố gắng để tránh khỏi phạm giới sát sanh, chập tư tưởng chánh yếu là "đừng", "cố tránh", không sát sanh (tiêu cực). Nhưng trong lúc ấy cũng có những chập tư tưởng khác đồng phát sanh như tâm từ, tâm bi, lòng quảng đại khoan hồng v.v... và đó rõ ràng là những tư tưởng thật sự tích cực.

Lại nữa, nghiêm túc trì giới cũng có nghĩa là vô úy thí (abhayadana, "dana = bố thí" + "a = không" + "bhaya = sợ hãi"), bố thí sự an toàn, tình trạng không lo sợ cho người khác. Có ai thích sống chung với những người ăn nói giả dối, đâm thọc, thô lỗ cộc cằn, với hạng người sát sanh, trộm cắp, lăng loàn, say sưa hư hỏng không? - Chắc là không. Tại sao? - Vì gần họ ta không cảm thấy an toàn, luôn luôn phải lo sợ, lúc nào cũng phải đề phòng. Như vậy, ta thích ở gần những người được xem là chỉ có những đức tính tiêu cực, vì những người này không làm cho mình lo âu sợ sệt. Nói cách khác, người giữ giới trong sạch bố thí trạng thái an toàn cho những ai sống quanh mình.

Bản Tạng Chú Giải xem danh từ Sila, giới, đồng nghĩa với Samadhana, hòa diệu, điều hòa, nhịp nhàng hòa hợp. Đây là sống hòa điệu với người khác và với chính mình, trên bình diện xã hội, tâm lý, nghiệp báo, cũng như trong công phu hành thiền của mình.

Người không bao giờ làm tổn thương đến sự sống của bất luận chúng sanh nào mà luôn luôn nâng đỡ, giúp cho luồng sống của mọi chúng sanh trôi chảy suông sẻ, người không trộm cắp mà luôn luôn mở rộng tâm quảng đại bố thí, người không lang chạ phóng túng mà luôn luôn có đời sống gia đình trong sạch, người luôn luôn chân thật, luôn luôn thanh nhã, luôn luôn có lời nói hữu ích và đem lại tình trạng

hòa hợp, người như thế ấy chắc chắn đem lại tình trạng điều hòa cho sự giao dịch giữa người và người, trong một xã hội mà quyền lợi cá nhân quả thật là khác biệt với nhau, đôi khi còn đối nghịch.

Về phương diện tâm lý, người nghiêm trì giới đức tránh cho mình những xung đột nội tâm do tội lỗi gây nên, những hiểm họa bị lương tâm cắn rứt và nhờ đó, tâm trí được điều hòa, an lạc.

Đối với nghiệp báo, người giữ giới trong sạch có những hành động và lời nói nhịp nhàng, hòa hợp với định luật nhân quả thiên nhiên của vũ trụ, và điều này tạo những hậu quả thuận lợi cho cuộc sống tương lai trong vòng luân hồi. Thực hành giới luật một cách tiêu cực là không tạo nghiệp bất thiện vì thân khẩu trong sạch và phần nào tránh cho ý những tư tưởng uế trược tội lỗi. Trì giới trên phương diện tích cực là tạo thiện nghiệp, tạo những điều kiện thuận lợi, những hoàn cảnh khả dĩ nâng đỡ ta trên con đường, từ kiếp sống này sang kiếp khác, cho đến ngày thành đạt Đạo Quả Niết Bàn. Giới là nền tảng vững chắc cho mọi tiến bộ tinh thần. Giới hạnh càng trang nghiêm tâm càng thanh tịnh. Tâm thanh ý tịnh càng dễ an trụ. Tâm định càng kiên cố càng dễ khai triển trí tuệ. Một cái tâm ô nhiễm không bao giờ thích nghi để thâu nhận Chân Lý Cao Thượng nhất của đời sống.

Vì lẽ ấy sau khi truyền giới cho thiện tín xong vị Sư truyền giới có lời khuyên như sau:

"Chư thiện tín sau khi đã thọ trì Tam Quy và Ngũ Giới nơi Tam Bảo rồi hãy ráng vâng giữ hành theo cho được trong sạch đến trọn đời, chẳng nên dễ duôi."

và:

"Các chúng sanh được sanh về cõi Trời cũng nhờ giữ giới, các chúng sanh được giàu sang cũng nhờ giữ giới, các chúng được giải thoát nhập Niết Bàn cũng nhờ giữ giới. Bởi

các cớ ấy nên chư thiện tín phải ráng thọ trì giới luật được trong sạch, đừng để lấm nhơ".

Nên ghi nhận rằng mặc dầu Giới được ban hành như những quy tắc luân lý, đạo đức nhằm tạo thân nghiệp và khẩu nghiệp trong sạch, nhưng phẩm hạnh tuyệt hảo trong sạch tự nó chỉ là phương tiện, là nền tảng vững chắc để đi đến mục tiêu. Mục tiêu tối hậu là giải thoát ra khỏi mọi hình thức khổ đau của đời sống, là vượt đến hạnh phúc trường cửu, Niết Bàn.

Hương Thơm Của Giới Đức

Lúc bấy giờ, vào một buổi chiều Đức Ananda (A Nan) xuất thiền, đến gần nơi Đức Phật ngồi và bạch rằng, "Bạch Đức Thế Tôn, có ba thể chất mà mùi thơm chỉ có thể bay theo chiều gió, không thể bay nghịch. Đó là chất gì? Hương của rễ cây, hương của gỗ trầm và hương của hoa. Bạch Đức Thế Tôn, đó là ba thể chất mà mùi thơm có thể bay theo chiều gió, không thể bay ngược chiều. Nhưng Bạch Hóa Đức Thế Tôn, có chăng một thể chất mà mùi thơm có thể bay ngược chiều gió, hay có chăng một thể chất mà mùi thơm có thể vừa bay theo, vừa bay ngược chiều gió?

- Này Ananda, có một thể chất mà hương thơm bay theo chiều gió, có một thể chất mà hương thơm vừa bay theo vừa bay ngược chiều gió.

- Bạch Đức Thế Tôn, thể chất nào mà hương thơm vừa bay theo vừa bay ngược chiều gió?

- Này Ananda, nếu trong một xóm làng hay trong một thành phố, có người kia, nam hay nữ, quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Nếu người kia tránh xa những hành động sát sanh, những hành động trộm cắp, những hành động tà dâm, những lời giả dối và những lúc dễ duôi dùng những chất say. Nếu người ấy sống đời đạo hạnh, nếu người ấy sống đúng theo chánh mạng, sống với tâm bố thí trong sạch, nếu người ấy rộng rãi quảng đại, nếu người ấy sống một cách cởi mở, nếu người ấy tìm thỏa thích trong sự cúng dường các bậc khả kính, thì ở bất luận nơi nào trên thế gian, tất cả những vị tỳ khưu, tất cả những vị ba la môn, đều tán dương người ấy.

Nếu trong một xóm làng, hay trong một thành phố, có người kia, nam hay nữ, quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng ... nếu người ấy tìm thỏa thích trong sự cúng dường những bậc khả kính, những hành động như thế ấy, này Ananda, là thể chất mà hương thơm vừa bay theo vừa bay ngược chiều gió.

Dạy xong, Đức Phật đọc lên câu kệ:

"Hương thơm của hoa không thể bay ngược chiều gió, trầm hương cũng vậy, mùi thơm của gỗ tagara và của hoa lài cũng thế. Nhưng hương thơm của giới đức bay ngược chiều gió, danh thơm của người giới đức bay thấu khắp nơi". (Kinh Pháp Cú, câu 54)

-----*-----

Nghi Thức Thọ Trì Tam Quy Ngũ Giới

Lễ Bái Đức Thế Tôn:

Namo tassa Bhagavato Arahato Samma Sambuddhassa Con xin hết lòng thành kính làm lễ Đức Thế Tôn, Đức Ứng Cúng, Đức Chánh Biến Tri (đọc ba lần)

Cung Thỉnh Chư Tăng Truyền Tam Quy Ngũ Giới:

Okasa aham bhante, visum visum rakkhanatthaya tisaranena saha panca silani. Dutiyampi visum visum ... silani Tatiyampi visum visum ... silani

Bạch hóa chư Đại Đức Tăng, con xin thọ trì Tam Quy và Ngũ Giới nơi Tam Bảo, để vâng giữ hành theo cho được sự lợi ích. Bạch hóa chư Đại Đức ... lợi ích, lần thứ nhì Bạch hóa chư Đại Đức ... lợi ích, lần thứ ba

Chư Tăng Truyền Tam Quy (Vị Sư truyền giới đọc, Thiện tín đọc theo):

Buddham saranam gacchami Con xin quy y Phật

Dhammam saranam gacchami Con xin quy y Pháp

Sangham saranam gacchami Con xin quy y Tăng

Dutiyampi Buddham saranam gacchami Con xin quy y Phật, lần thứ nhì

Dutiyampi Dhammam saranam gacchami Con xin quy y Pháp, lần thứ nhì

Dutiyampi Sangham saranam gacchami Con xin quy y Tăng, lần thứ nhì

Tatiyampi Buddham saranam gacchami Con xin quy y Phật, lần thứ ba

Tatiyampi Dhammam saranam gacchami Con xin quy y Pháp, lần thứ ba

Tatiyampi Sangham saranam gacchami Con xin quy y Tăng, lần thứ ba.

Chư Tăng Truyền Ngũ Giới (Vị Sư truyền giới đọc, Thiện tín đọc theo):

Panatipata veramani sikkhapadam samadiyami Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự sát sanh.

Adinaddana veramani sikkhapadam samadiyami Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự trộm cắp.

Kamesu micchacara veramani sikkhapadam samadiyami Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự tà dâm.

Musavada veramani sikkhapadam samadiyami Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự nói dối (vọng ngữ).

Sura-meraya-majja-pamadatthana veramani sikkha padam samadiyami Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự dễ duôi uống rượu và dùng các chất say.

Vị Sư truyền giới khuyên dạy:

- Chư thiện tín đã thọ trì Tam Quy và Ngũ Giới nơi Tam Bảo, hãy ráng vâng giữ hành theo cho được trong sạch đến trọn đời, chẳng nên dễ duôi.

Người thọ giới:

- Dạ, xin vâng.

Vị Sư truyền giới giảng giải về quả báo của công đức trì giới:

- Các chúng sanh được sanh về cõi Trời cũng nhờ giữ giới, các chúng sanh được giàu sang cũng nhờ giữ giới, các chúng sanh được giải thoát nhập Niết bàn cũng nhờ giữ giới. Bởi các cớ ấy, chư thiện tín hãy ráng thọ trì giới luật cho được trong sạch, đừng để lấm nhơ.

Người thọ giới:

- Sadhu! Sadhu! Lành thay!

-----*-----

Chân thành cám ơn các đạo hữu Tâm Quảng VĐT và Tâm Bửu NQ đã giúp đánh máy vi tính (Bình Anson, 02-2004).

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.